

Số: **4408**/QĐ-NHCS

Hà Nội, ngày **12** tháng 10 năm 2017

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc công bố thủ tục giải quyết công việc được sửa đổi, bổ sung thuộc thẩm quyền giải quyết của Ngân hàng Chính sách xã hội**

**TỔNG GIÁM ĐỐC NGÂN HÀNG CHÍNH SÁCH XÃ HỘI**

Căn cứ Quyết định số 131/2002/QĐ-TTg ngày 04/10/2002 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Ngân hàng Chính sách xã hội (NHCSXH);

Căn cứ Điều lệ về tổ chức và hoạt động của NHCSXH ban hành kèm theo Quyết định số 16/2003/QĐ-TTg ngày 22/01/2003 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về Kiểm soát thủ tục hành chính và Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ văn bản số 1564/HD-NHCS ngày 26/5/2014 của Tổng Giám đốc NHCSXH hướng dẫn thực hiện công tác kiểm soát thủ tục giải quyết công việc (TTGQCV) của NHCSXH;

Xét đề nghị của Giám đốc các Ban: Pháp chế, Tín dụng người nghèo, Tín dụng học sinh sinh viên và các đối tượng chính sách khác,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này 12 thủ tục giải quyết công việc được sửa đổi, bổ sung thuộc chức năng quản lý của NHCSXH; Danh mục thủ tục được công bố tại Phần A, nội dung cụ thể của các thủ tục được công bố tại Phần B ban hành kèm theo Quyết định này.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15/10/2017.

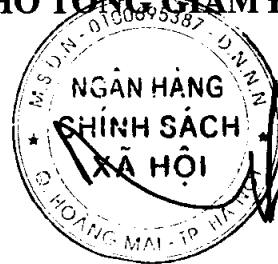
**Điều 3.** Giám đốc: Ban Pháp chế, Ban Tín dụng người nghèo, Ban Tín dụng học sinh sinh viên và các đối tượng chính sách khác, các Ban chuyên môn nghiệp vụ tại Hội sở chính; Giám đốc: Trung tâm Đào tạo, Trung tâm Công nghệ thông tin, Sở giao dịch, Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội các tỉnh,

thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Cục Kiểm soát TTHC - Văn phòng Chính phủ (báo cáo);
- Tổng Giám đốc (báo cáo);
- Trường BKS; các Phó TGD, KTT;
- Đăng trên Website NHCSXH (Ban PC);
- TTCNTT: truyền filetrans cho chi nhánh; thành phố;
- Lưu: VT, TDNN, HSSV, PC./.

**KT. TỔNG GIÁM ĐỐC  
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**



**Nguyễn Mạnh Tú**

**THỦ TỤC GIẢI QUYẾT CÔNG VIỆC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG  
THUỘC THẨM QUYỀN CỦA NGÂN HÀNG CHÍNH SÁCH XÃ HỘI**  
(Ban hành kèm theo Quyết định số **H408/QĐ-NHCS** ngày 12/10/2017  
của Tổng Giám đốc Ngân hàng Chính sách xã hội)

**Phần A**

**DANH MỤC THỦ TỤC GIẢI QUYẾT CÔNG VIỆC**

**Danh mục thủ tục giải quyết công việc được sửa đổi, bổ sung**

TT	Số hồ sơ TTGQCV	Tên thủ tục	Tên văn bản quy định nội dung sửa đổi	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
1	BNC- 283322-TT	Thủ tục thẩm định, phê duyệt cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm đối với người lao động hoặc hộ gia đình vay vốn cho người lao động vay trực tiếp (từ nguồn vốn do Tổng Liên đoàn lao động Việt Nam, Liên minh Hợp tác xã Việt Nam và Hội người mù Việt Nam quản lý).	Văn bản số 4268/NHCS-TDSV ngày 29/9/2017 về việc hướng dẫn sửa đổi, bổ sung một số điểm văn bản số 3798/NHCS-TDSV ngày 20/11/2015	Hoạt động tín dụng	NHCSXH nơi thực hiện thủ tục (cấp tỉnh, cấp huyện)
2	BNC- 283323-TT	Thủ tục thẩm định, phê duyệt cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh (Doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ kinh doanh) vay vốn trực tiếp	Như trên	Như trên	Như trên
3	BNC - 283324 -TT	Thủ tục thẩm định, phê duyệt cho vay trực tiếp hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm có ủy thác một số nội dung công việc trong quy trình cho vay cho các tổ chức chính trị - xã hội thông qua Tổ Tiết kiệm và vay vốn (nguồn vốn do UBND cấp tỉnh, Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Nông dân Việt Nam, Hội Cựu chiến binh Việt Nam quản lý)	Như trên	Như trên	Như trên
4	BNC- 283340 -TT	Thủ tục thẩm định, phê duyệt cho vay trực tiếp hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm đối với	Như trên	Như trên	Như trên

		người lao động hoặc hộ gia đình vay vốn cho người lao động bị thu hồi đất theo Quyết định số 63/2015/QĐ-TTg ngày 10/12/2015 của Thủ tướng Chính phủ (từ nguồn vốn do Tổng Liên đoàn lao động Việt Nam, Liên minh Hợp tác xã Việt Nam và Hội người mù Việt Nam quản lý).			
5	BNC-283341-TT	Thủ tục thẩm định, phê duyệt vay vốn hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm đối với hộ gia đình bị thu hồi đất theo Quyết định số 63/2015/QĐ-TTg ngày 10/12/2015 của Thủ tướng Chính phủ, cho vay trực tiếp có ủy thác một số nội dung công việc trong quy trình cho vay cho các tổ chức chính trị - xã hội thông qua Tổ Tiết kiệm và vay vốn (nguồn vốn do UBND cấp tỉnh, Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, Đoàn Thanh niên công sản Hồ Chí Minh, Hội Nông dân Việt Nam, Hội Cựu chiến binh Việt Nam quản lý).	Như trên	Như trên	Như trên
6	BNC-283206-TT	Thủ tục phê duyệt cho vay người lao động thuộc huyện nghèo đi xuất khẩu lao động.	Văn bản số 4397/NHCS-TDNN ngày 10/10/2017 về việc thay đổi mẫu biểu cho vay đi làm việc ở nước ngoài	Như trên	Như trên
7	BNC-283355-TT	Thủ tục phê duyệt cho vay đến 50 triệu đồng đối với hộ gia đình thuộc hộ nghèo, người dân tộc thiểu số đi làm việc ở nước ngoài	Như trên	Như trên	Như trên
8	BNC-283356-TT	Thủ tục thẩm định, phê duyệt cho vay trên 50 triệu đồng đối với hộ gia đình thuộc hộ nghèo, người dân tộc thiểu số đi làm việc ở nước ngoài	Như trên	Như trên	Như trên
9	BNC-283359-TT	Thủ tục phê duyệt cho vay đến 50 triệu đồng đối với hộ gia đình vay	Như trên	Như trên	Như trên

		vốn đi làm việc ở nước ngoài theo Nghị định số 61/2015/NĐ-CP			
10	BNC-283360-TT	Thủ tục thẩm định, phê duyệt cho vay trên 50 triệu đồng đối với hộ gia đình vay vốn đi làm việc ở nước ngoài theo Nghị định số 61/2015/NĐ-CP	<i>Như trên</i>	<i>Như trên</i>	<i>Như trên</i>
11	BNC-283363-TT	Thủ tục phê duyệt cho vay đến 50 triệu đồng đối với hộ gia đình bị thu hồi đất theo Quyết định số 63/2015/QĐ-TTg đi làm việc ở nước ngoài	<i>Như trên</i>		<i>Như trên</i>
12	BNC-283364-TT	Thủ tục thẩm định, phê duyệt cho vay trên 50 triệu đồng đối với hộ gia đình bị thu hồi đất theo Quyết định số 63/2015/QĐ-TTg đi làm việc ở nước ngoài	<i>Như trên</i>		<i>Như trên</i>

## Phần B

# NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA TỪNG THỦ TỤC GIẢI QUYẾT CÔNG VIỆC THUỘC THẨM QUYỀN CỦA NGÂN HÀNG CHÍNH SÁCH XÃ HỘI

**1. Thủ tục thẩm định, phê duyệt cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm đối với người lao động hoặc hộ gia đình vay vốn cho người lao động vay trực tiếp (từ nguồn vốn do Tổng Liên đoàn lao động Việt Nam, Liên minh Hợp tác xã Việt Nam và Hội người mù Việt Nam quản lý)**

### a) Trình tự thực hiện:

#### Bước 1. Người vay.

- Các thành viên hộ gia đình từ đủ 18 tuổi trở lên, có năng lực hành vi dân sự đầy đủ theo quy định của pháp luật, thỏa thuận và lập Giấy ủy quyền (mẫu số 01/UQ) cho 01 trong số các thành viên là đại diện đứng tên người vay và thực hiện các giao dịch với NHCSXH trước sự chứng kiến của Trưởng thôn (Giấy ủy quyền được nộp cho Ban quản lý Tổ Tiết kiệm và vay vốn).

- Người lao động: Viết “Giấy đề nghị vay vốn hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm” (mẫu số 01a ban hành kèm theo Thông tư số 45/2015/TT-BLĐTBXH ngày 11/11/2015 của Bộ LĐTB&XH) hoặc Hộ gia đình vay vốn cho người lao động: Viết “Giấy đề nghị vay vốn hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm (mẫu số 01b)” và gửi Giấy đề nghị vay vốn hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm sau khi có xác nhận của UBND cấp xã về việc cư trú hợp pháp tại địa phương kèm theo các giấy tờ có liên quan đến NHCSXH nơi thực hiện thủ tục.

#### Bước 2. NHCSXH nơi thực hiện thủ tục.

- Cán bộ ngân hàng kiểm tra tính hợp pháp, hợp lệ của hồ sơ, tiến hành thẩm định; Nếu đủ điều kiện cho vay, NHCSXH nơi thực hiện thủ tục duyệt, trình cấp có thẩm quyền ra Quyết định phê duyệt cho vay.

- Sau khi có Quyết định phê duyệt cho vay của cấp có thẩm quyền, cán bộ ngân hàng cùng người vay lập Hợp đồng tín dụng (mẫu 05b) trình NHCSXH nơi thực hiện thủ tục phê duyệt giải ngân.

- Căn cứ kết quả phê duyệt, NHCSXH nơi thực hiện thủ tục lập Thông báo kết quả phê duyệt cho vay (mẫu số 04/TD) gửi người vay.

**b) Cách thức thực hiện:** Người vay nộp hồ sơ vay vốn trực tiếp tại NHCSXH nơi thực hiện thủ tục.

### c) Thành phần hồ sơ:

- Người lao động:

+ Giấy ủy quyền (mẫu số 01/UQ): 02 bản chính (01 bản lưu tại NHCSXH nơi thực hiện thủ tục, 01 bản lưu hộ gia đình vay vốn NHCSXH);

+ Giấy đề nghị vay vốn (mẫu 01a ban hành kèm theo Thông tư số 45/2015/TT-BLĐTBXH ngày 11/11/2015 của Bộ LĐTB&XH) có xác nhận của

UBND cấp xã về việc cư trú hợp pháp tại địa phương: 02 bản chính (01 bản lưu NHCSXH nơi thực hiện thủ tục, 01 bản lưu người vay);

- Hộ gia đình vay vốn cho người lao động:

**Giấy đề nghị vay vốn hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm (mẫu số 01b)** có xác nhận của UBND cấp xã về việc cư trú hợp pháp tại địa phương: 02 bản chính (01 bản lưu NHCSXH nơi thực hiện thủ tục, 01 bản lưu người vay).

- Giấy tờ chứng minh đối tượng ưu tiên được vay với mức lãi suất bằng 50% lãi suất cho vay theo quy định, gồm:

+ Giấy xác nhận người thuộc hộ gia đình bị thiệt hại do sự cố môi trường biển (mẫu số 1 ban hành kèm theo công văn số 2687/LĐT BXK-VL ngày 30/6/2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội): 01 bản sao (lưu NHCSXH nơi thực hiện thủ tục). (Áp dụng đối với người vay thuộc hộ gia đình bị thiệt hại do sự cố môi trường biển tại 04 tỉnh Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên Huế).

+ **Giấy chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu hoặc sổ hộ khẩu hoặc sổ tạm trú** đối với người lao động là người dân tộc thiểu số đang sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn: 02 bản sao có chứng thực hoặc bản sao từ sổ gốc do cơ quan có thẩm quyền cấp (01 bản lưu NHCSXH nơi thực hiện thủ tục, 01 bản lưu người vay);

+ Giấy xác nhận khuyết tật do UBND cấp xã cấp (đối với người lao động là người khuyết tật): 02 bản sao có chứng thực hoặc bản sao từ sổ gốc do cơ quan có thẩm quyền cấp (01 bản lưu NHCSXH nơi thực hiện thủ tục, 01 bản lưu người vay).

**d) Số bộ hồ sơ:** 02 bộ

**đ) Thời hạn giải quyết:**

- Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ vay vốn, NHCSXH nơi thực hiện thủ tục thẩm định, trình Cơ quan của tổ chức thực hiện chương trình cấp tỉnh xem xét, phê duyệt;

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ trình duyệt, Cơ quan của tổ chức thực hiện chương trình cấp tỉnh xem xét, phê duyệt. Nếu không ra quyết định phê duyệt thì trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do để NHCSXH nơi thực hiện thủ tục thông báo cho người vay.

**e) Đối tượng thực hiện:**

Cá nhân hoặc Hộ gia đình vay vốn cho người lao động.

**g) Cơ quan thực hiện thủ tục:** NHCSXH nơi thực hiện thủ tục;

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Cơ quan cấp tỉnh của tổ chức thực hiện chương trình nơi thực hiện dự án;

- Cơ quan phối hợp: UBND cấp xã, Trưởng thôn.

**h) Kết quả thực hiện:** Thông báo kết quả phê duyệt cho vay (mẫu số 04/TD).

**i) Mức phí, tên phí:** Không.

**k) Mẫu đơn, tờ khai:**

- Người lao động: Giấy đề nghị vay vốn hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm (mẫu số 01a);

- Giấy ủy quyền (mẫu số 01/UQ);

- Hộ gia đình vay vốn cho người lao động: **Giấy đề nghị vay vốn hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm (mẫu số 01b).**

**l) Yêu cầu điều kiện thực hiện thủ tục:**

- Đối với người vay thuộc hộ gia đình bị thiệt hại do sự cố môi trường biển tại 04 tỉnh Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên Huế:

+ Thuộc hộ gia đình có cá nhân có tên trong danh sách bị thiệt hại do sự cố môi trường biển được Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt;

+ Chỉ được xem xét cho vay đến ngày 31/12/2018.

- Người lao động có năng lực hành vi dân sự đầy đủ;

- Có nhu cầu vay vốn để tự tạo việc làm hoặc tạo việc làm cho thành viên trong hộ hoặc thu hút thêm lao động có xác nhận của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền nơi thực hiện dự án;

- Cư trú hợp pháp tại địa phương nơi thực hiện dự án.

**m) Căn cứ pháp lý của thủ tục:**

- Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

- Luật Việc làm số 38/2013/QH13 ngày 16/11/2013 của Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2015;

- Nghị định số 78/2002/NĐ-CP ngày 04/10/2002 của Chính phủ về tín dụng đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác;

- Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09/7/2015 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm;

- Quyết định số 12/QĐ-TTg ngày 06/01/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt Đề án “Xác định thiệt hại, thực hiện bồi thường, hỗ trợ, khôi phục sản xuất và đảm bảo an sinh xã hội cho người dân bị ảnh hưởng do sự cố môi trường biển tại 04 tỉnh Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị và Thừa Thiên Huế”;

- Thông tư số 45/2015/TT- BLĐT BXH ngày 11/11/2015 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội về hướng dẫn thực hiện một số điều về Quỹ quốc gia về việc làm quy định tại Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09/7/2015 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm;



- *Thông tư số 24/2017/TT-BLĐTBXH ngày 21/8/2017 của Bộ Lao động - Thương binh và xã hội về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2015/TT-BLĐTBXH ngày 11/11/2015 của Bộ Lao động-Thương binh và xã hội về hướng dẫn thực hiện một số điều về Quỹ quốc gia về việc làm quy định tại Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09/7/2015 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm;*

- Công văn số 2687/LĐTBXH-VL ngày 30/6/2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc hướng dẫn thực hiện chính sách hỗ trợ đào tạo nghề nghiệp, hỗ trợ tạo việc làm và hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng theo Quyết định số 12/QĐ-TTg ngày 06/01/2017 của Thủ tướng Chính phủ;

- Văn bản số 3798/NHCS-TDSV ngày 20/11/2015 của Tổng Giám đốc NHCSXH về việc hướng dẫn nghiệp vụ cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm;

- Văn bản số 5650/NHCS-TDNN ngày 28/12/2016 của Tổng Giám đốc NHCSXH về việc bổ sung nội dung giao dịch dân sự giữa NHCSXH với hộ gia đình vay vốn kể từ ngày 01/01/2017;

- Văn bản số 3137/NHCS-TDSV ngày 10/7/2017 của Tổng Giám đốc về việc hướng dẫn thực hiện cho vay hỗ trợ đào tạo nghề và giải quyết việc làm đối với người dân bị ảnh hưởng do sự cố môi trường biển”;

- *Văn bản số 4268/NHCS-TDSV ngày 29/9/2017 của Tổng Giám đốc NHCSXH về việc hướng dẫn sửa đổi, bổ sung một số điểm văn bản số 3798/NHCS-TDSV ngày 20/11/2015 của Tổng Giám đốc NHCSXH.*

*(Ghi chú: Phần chữ in nghiêng, đậm là nội dung sửa đổi, bổ sung)* ✓

**2. Thủ tục thẩm định, phê duyệt cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh (Doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ kinh doanh) vay vốn trực tiếp**

**a) Trình tự thực hiện:**

**Bước 1. Người vay**

*Lập Dự án vay vốn hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm (mẫu số 02)* có xác nhận của UBND cấp xã nơi thực hiện dự án kèm theo các giấy tờ có liên quan gửi NHCSXH nơi thực hiện thủ tục.

**Bước 2. NHCSXH nơi thực hiện thủ tục**

- Cán bộ ngân hàng kiểm tra tính hợp pháp, hợp lệ của hồ sơ; tiến hành thẩm định dự án. Nếu đủ điều kiện cho vay, NHCSXH nơi thực hiện thủ tục duyệt, trình cấp có thẩm quyền ra Quyết định phê duyệt cho vay.

- Sau khi có Quyết định phê duyệt cho vay của cấp có thẩm quyền, cán bộ ngân hàng cùng người vay lập Biên bản định giá tài sản (*mẫu 10/BĐTV*), Hợp đồng thế chấp, cầm cố tài sản theo quy định của pháp luật (trường hợp phải thực hiện bảo đảm tiền vay) và Hợp đồng tín dụng (*mẫu số 05a*) trình NHCSXH nơi thực hiện thủ tục phê duyệt giải ngân.

**b) Cách thức thực hiện:** Người vay nộp hồ sơ vay vốn trực tiếp tại NHCSXH nơi thực hiện thủ tục.

**c) Thành phần hồ sơ:**

- *Dự án vay vốn hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm (mẫu số 02)* có xác nhận của UBND cấp xã nơi thực hiện dự án: 02 bản chính (01 bản lưu NHCSXH nơi thực hiện thủ tục, 01 bản lưu người vay);

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã hoặc Hợp đồng hợp tác hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh: 02 bản sao có chứng thực hoặc bản sao từ sổ gốc do cơ quan có thẩm quyền cấp (01 bản lưu NHCSXH nơi thực hiện thủ tục, 01 bản lưu người vay);

- Giấy tờ chứng minh đối tượng ưu tiên được vay với mức lãi suất bằng 50% lãi suất cho vay theo quy định, gồm:

+ Đối với Cơ sở sản xuất, kinh doanh sử dụng lao động là người khuyết tật: Quyết định về việc công nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh sử dụng từ 30% tổng số lao động trở lên là người khuyết tật do Sở Lao động – Thương binh và Xã hội cấp: 02 bản sao có chứng thực hoặc bản sao từ sổ gốc do cơ quan có thẩm quyền cấp (01 bản lưu NHCSXH nơi thực hiện thủ tục, 01 bản lưu người vay);

+ Đối với Cơ sở sản xuất, kinh doanh sử dụng từ 30% tổng số lao động trở lên là người dân tộc thiểu số:

➤ Danh sách lao động là người dân tộc thiểu số: 02 bản chính (01 bản lưu NHCSXH nơi thực hiện thủ tục, 01 bản lưu người vay);

➤ **Giấy chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu hoặc sổ hộ khẩu hoặc sổ tạm trú** của người lao động theo danh sách: 02 bản sao/01 người lao động (01 bản lưu NHCSXH nơi thực hiện thủ tục, 01 bản lưu người vay);

➤ Hợp đồng lao động hoặc quyết định tuyển dụng của những người lao động trong danh sách: 02 bản sao (01 bản lưu NHCSXH nơi thực hiện thủ tục, 01 bản lưu người vay);

+ Đối với Cơ sở sản xuất, kinh doanh sử dụng từ 30% tổng số lao động trở lên là người khuyết tật và người dân tộc thiểu số:

➤ Danh sách lao động là người khuyết tật và người dân tộc thiểu số: 02 bản chính (01 bản lưu NHCSXH nơi thực hiện thủ tục, 01 bản lưu người vay);

➤ Giấy xác nhận khuyết tật của người lao động là người khuyết tật do UBND cấp xã cấp: 02 bản sao/01 người lao động (01 bản lưu NHCSXH nơi thực hiện thủ tục, 01 bản lưu người vay);

➤ **Giấy chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu hoặc sổ hộ khẩu hoặc sổ tạm trú** của những lao động là người dân tộc thiểu số: 02 bản sao/01 người lao động (01 bản lưu NHCSXH nơi thực hiện thủ tục, 01 bản lưu người vay);

➤ Hợp đồng lao động hoặc quyết định tuyển dụng của những người lao động trong danh sách: 02 bản sao/01 người lao động (01 bản lưu NHCSXH nơi thực hiện thủ tục, 01 bản lưu người vay).

- Hồ sơ bảo đảm tiền vay (nếu có): 02 bản chính (01 bản lưu NHCSXH nơi thực hiện thủ tục, 01 bản lưu người vay).

**d) Số bộ hồ sơ:** 02 bộ

**đ) Thời hạn giải quyết:**

- Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ vay vốn, NHCSXH nơi thực hiện thủ tục thẩm định, trình Cơ quan của tổ chức thực hiện chương trình cấp tỉnh hoặc UBND cấp huyện nơi thực hiện dự án xem xét, phê duyệt;

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ trình duyệt, Cơ quan của tổ chức thực hiện chương trình cấp tỉnh hoặc UBND cấp huyện nơi thực hiện dự án xem xét, phê duyệt. Nếu không ra quyết định phê duyệt thì trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do để NHCSXH nơi thực hiện thủ tục thông báo cho người vay.

**e) Đối tượng thực hiện:** Tổ chức

**g) Cơ quan thực hiện thủ tục:** NHCSXH nơi thực hiện thủ tục;

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Cơ quan cấp tỉnh của tổ chức thực hiện chương trình hoặc UBND cấp huyện nơi thực hiện dự án;

- Cơ quan phối hợp: UBND cấp xã.

**h) Kết quả thực hiện:** Hợp đồng tín dụng (mẫu số 05a) được NHCSXH nơi thực hiện thủ tục phê duyệt giải ngân.

**i) Mức phí, tên phí:** Không.



**k) Mẫu đơn, tờ khai:**

***Dự án vay vốn hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm (mẫu số 02)***

**l) Yêu cầu điều kiện thực hiện thủ tục:**

- Cơ sở sản xuất, kinh doanh được thành lập và hoạt động hợp pháp;
- Có dự án vay vốn khả thi tại địa phương, phù hợp với ngành, nghề sản xuất kinh doanh, thu hút thêm lao động vào làm việc ổn định;
- Dự án vay vốn có xác nhận của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền nơi thực hiện dự án;
- Có bảo đảm tiền vay theo quy định của pháp luật.

**m) Căn cứ pháp lý của thủ tục:**

- Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
- Luật Việc làm số 38/2013/QH13 ngày 16/11/2013 của Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2015;
- Nghị định số 78/2002/NĐ-CP ngày 04/10/2002 của Chính phủ về tín dụng đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác;
- Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09/7/2015 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm;
- Thông tư số 45/2015/TT- BLĐTBXH ngày 11/11/2015 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội về hướng dẫn thực hiện một số điều về Quỹ quốc gia về việc làm quy định tại Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09/7/2015 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm;
- *Thông tư số 24/2017/TT-BLĐTBXH ngày 21/8/2017 của Bộ Lao động - Thương binh và xã hội về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2015/TT-BLĐTBXH ngày 11/11/2015 của Bộ Lao động-Thương binh và xã hội về hướng dẫn thực hiện một số điều về Quỹ quốc gia về việc làm quy định tại Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09/7/2015 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm;*
- Văn bản số 3798/NHCS-TDSV ngày 20/11/2015 của Tổng Giám đốc NHCSXH về việc hướng dẫn nghiệp vụ cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm;
- *Văn bản số 4268/NHCS-TDSV ngày 29/9/2017 của Tổng Giám đốc NHCSXH về việc hướng dẫn sửa đổi, bổ sung một số điểm văn bản số 3798/NHCS-TDSV ngày 20/11/2015 của Tổng Giám đốc NHCSXH.*

***(Ghi chú: Phần chữ in nghiêng, đậm là nội dung sửa đổi, bổ sung)***



**3. Thủ tục thẩm định, phê duyệt cho vay trực tiếp hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm có ủy thác một số nội dung công việc trong quy trình cho vay cho các tổ chức chính trị - xã hội thông qua Tổ Tiết kiệm và vay vốn (nguồn vốn do UBND cấp tỉnh, Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Nông dân Việt Nam, Hội Cựu chiến binh Việt Nam quản lý)**

**a) Trình tự thực hiện:**

**Bước 1. Người vay**

- Các thành viên hộ gia đình từ đủ 18 tuổi trở lên, có năng lực hành vi dân sự đầy đủ theo quy định của pháp luật, thỏa thuận và lập Giấy ủy quyền (mẫu số 01/UQ) cho 01 trong số các thành viên là đại diện đứng tên người vay và thực hiện các giao dịch với NHCSXH trước sự chứng kiến của Trưởng thôn (Giấy ủy quyền được nộp cho Ban quản lý Tổ Tiết kiệm và vay vốn).

- Tự nguyện gia nhập Tổ TK&VV tại nơi cư trú hợp pháp;

- Viết **Giấy đề nghị vay vốn hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm (mẫu số 01b)** kèm theo các giấy tờ có liên quan gửi Ban quản lý Tổ TK&VV.

**Bước 2. Ban quản lý Tổ TK&VV**

- Tổ chức họp Tổ TK&VV để bổ sung tổ viên và bình xét cho vay công khai theo Biên bản họp (mẫu số 10C/TD);

- Kiểm tra các yếu tố trên hồ sơ vay vốn, trình tổ chức chính trị - xã hội cấp xã được NHCSXH ủy thác để thẩm định (mẫu số 03b);

- Sau khi có kết quả thẩm định, lập Danh sách hộ gia đình đề nghị vay vốn NHCSXH (mẫu số 03/TD) và gửi kèm **Giấy đề nghị vay vốn (mẫu số 01b)** của các tổ viên Tổ TK&VV trình UBND cấp xã xác nhận;

- Gửi bộ hồ sơ vay vốn tới NHCSXH nơi thực hiện thủ tục sau khi có xác nhận của UBND cấp xã trên Danh sách (mẫu số 03/TD) và **Giấy đề nghị vay vốn (mẫu số 01b)**.

**Bước 3. NHCSXH nơi thực hiện thủ tục.**

- Cán bộ ngân hàng kiểm tra đối chiếu tính hợp pháp, hợp lệ của hồ sơ vay vốn; nếu đủ điều kiện cho vay, trình NHCSXH nơi thực hiện thủ tục duyệt, trình cấp có thẩm quyền ra Quyết định phê duyệt cho vay.

- Sau khi có Quyết định phê duyệt cho vay của cấp có thẩm quyền, cán bộ ngân hàng hướng dẫn người vay lập Sổ vay vốn trình NHCSXH nơi thực hiện thủ tục phê duyệt giải ngân.

- Căn cứ kết quả phê duyệt, NHCSXH nơi thực hiện thủ tục lập Thông báo kết quả phê duyệt cho vay (mẫu số 04/TD) gửi người vay.

**b) Cách thức thực hiện:**

Người vay nộp hồ sơ vay vốn trực tiếp cho Ban quản lý Tổ TK&VV nơi người vay cư trú hợp pháp.

**c) Thành phần hồ sơ:**

- Giấy ủy quyền (mẫu số 01/UQ): 02 bản chính (01 bản lưu tại NHCSXH nơi thực hiện thủ tục, 01 bản lưu hộ gia đình vay vốn).

- Giấy đề nghị vay vốn hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm (mẫu số 01b) có xác nhận của UBND cấp xã về cư trú hợp pháp: 02 bản chính (01 bản lưu NHCSXH nơi thực hiện thủ tục, 01 bản lưu người vay);

- Giấy tờ chứng minh đối tượng ưu tiên được vay với mức lãi suất bằng 50% lãi suất cho vay theo quy định, gồm:

+ Giấy xác nhận người thuộc hộ gia đình bị thiệt hại do sự cố môi trường biển (mẫu số 1 ban hành kèm theo công văn số 2687/LĐTĐ-BXK-VL ngày 30/6/2017 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội): 01 bản sao (lưu NHCSXH nơi thực hiện thủ tục). (Áp dụng đối với người vay thuộc hộ gia đình bị thiệt hại do sự cố môi trường biển tại 04 tỉnh Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên Huế)”.  
+ Giấy chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu hoặc sổ hộ khẩu hoặc sổ tạm trú đối với người lao động là người dân tộc thiểu số đang sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn: 02 bản sao có chứng thực hoặc bản sao từ sổ gốc do cơ quan có thẩm quyền cấp (01 bản lưu NHCSXH nơi thực hiện thủ tục, 01 bản lưu người vay);

+ Giấy xác nhận khuyết tật do UBND cấp xã cấp (đối với người lao động là người khuyết tật): 02 bản sao có chứng thực hoặc bản sao từ sổ gốc do cơ quan có thẩm quyền cấp (01 bản lưu NHCSXH nơi thực hiện thủ tục, 01 bản lưu người vay).

**d) Số bộ hồ sơ:** 02 bộ

**đ) Thời hạn giải quyết:**

- Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ vay vốn, NHCSXH nơi thực hiện thủ tục thẩm định, trình Cơ quan của tổ chức thực hiện chương trình cấp tỉnh hoặc UBND cấp huyện nơi thực hiện dự án xem xét, phê duyệt;

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ trình duyệt, Cơ quan của tổ chức thực hiện chương trình cấp tỉnh hoặc UBND cấp huyện nơi thực hiện dự án xem xét, phê duyệt. Nếu không ra quyết định phê duyệt thì trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do để NHCSXH nơi thực hiện thủ tục thông báo cho người vay.

**e) Đối tượng thực hiện:** Hộ gia đình vay vốn cho người lao động (thông qua Tổ TK&VV).

**g) Cơ quan thực hiện thủ tục:** NHCSXH nơi thực hiện thủ tục;

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Cơ quan của tổ chức thực hiện chương trình cấp tỉnh hoặc UBND cấp huyện nơi thực hiện thủ tục;

- Cơ quan phối hợp: UBND, các tổ chức chính trị - xã hội nhận ủy thác cấp xã và Ban quản lý Tô TK&VV, Trường thôn.

**h) Kết quả thực hiện:** Thông báo kết quả phê duyệt cho vay (mẫu số 04/TD).

**i) Mức phí, tên phí:** Không.

**k) Mẫu đơn, tờ khai:**

- Giấy ủy quyền (mẫu số 01/UQ);

- *Giấy đề nghị vay vốn hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm (mẫu số 01b).*

**l) Yêu cầu điều kiện thực hiện thủ tục:**

- Đối với người vay thuộc hộ gia đình bị thiệt hại do sự cố môi trường biển tại 04 tỉnh Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên Huế:

+ Thuộc hộ gia đình có cá nhân có tên trong danh sách bị thiệt hại do sự cố môi trường biển được Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt;

+ Chỉ được xem xét cho vay đến ngày 31/12/2018.

- Người vay có năng lực hành vi dân sự đầy đủ;

- Có nhu cầu vay vốn để tạo việc làm cho thành viên trong hộ hoặc thu hút thêm lao động có xác nhận của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền nơi thực hiện dự án;

- Cư trú hợp pháp tại địa phương nơi thực hiện dự án.

**m) Căn cứ pháp lý của thủ tục:**

- Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

- Luật Việc làm số 38/2013/QH13 ngày 16/11/2013 của Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2015;

- Nghị định số 78/2002/NĐ-CP ngày 04/10/2002 của Chính phủ về tín dụng đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác;

- Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09/7/2015 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm;

- Quyết định số 12/QĐ-TTg ngày 06/01/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt Đề án “Xác định thiệt hại, thực hiện bồi thường, hỗ trợ; khôi phục sản xuất và đảm bảo an sinh xã hội cho người dân bị ảnh hưởng do sự cố môi trường biển tại 04 tỉnh Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị và Thừa Thiên Huế”;

- Thông tư số 45/2015/TT- BLĐTBXH ngày 11/11/2015 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội về hướng dẫn thực hiện một số điều về Quỹ quốc gia về việc làm quy định tại Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09/7/2015 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm;

- **Thông tư số 24/2017/TT-BLĐTBXH ngày 21/8/2017 của Bộ Lao động - Thương binh và xã hội về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2015/TT-BLĐTBXH ngày 11/11/2015 của Bộ Lao động-Thương binh và xã hội về hướng dẫn thực hiện một số điều về Quỹ quốc gia về việc làm quy định tại Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09/7/2015 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm;**


- Công văn số 2687/LĐTBXH-VL ngày 30/6/2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc hướng dẫn thực hiện chính sách hỗ trợ đào tạo nghề nghiệp, hỗ trợ tạo việc làm và hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng theo Quyết định số 12/QĐ-TTg ngày 06/01/2017 của Thủ tướng Chính phủ;

- Văn bản số 3798/NHCS-TDSV ngày 20/11/2015 của Tổng Giám đốc NHCSXH về việc hướng dẫn nghiệp vụ cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm;

- Văn bản số 5650/NHCS-TDNN ngày 28/12/2016 của Tổng Giám đốc NHCSXH về việc bổ sung nội dung giao dịch dân sự giữa NHCSXH với hộ gia đình vay vốn kể từ ngày 01/01/2017;

- Văn bản số 3137/NHCS-TDSV ngày 10/7/2017 của Tổng Giám đốc về việc hướng dẫn thực hiện cho vay hỗ trợ đào tạo nghề và giải quyết việc làm đối với người dân bị ảnh hưởng do sự cố môi trường biển”;

- **Văn bản số 4268/NHCS-TDSV ngày 29/9/2017 của Tổng Giám đốc NHCSXH về việc hướng dẫn sửa đổi, bổ sung một số điểm văn bản số 3798/NHCS-TDSV ngày 20/11/2015 của Tổng Giám đốc NHCSXH.**

**(Ghi chú: Phần chữ in nghiêng, đậm là nội dung sửa đổi, bổ sung)** 



**4. Thủ tục thẩm định, phê duyệt cho vay trực tiếp hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm đối với người lao động hoặc hộ gia đình vay vốn cho người lao động bị thu hồi đất theo Quyết định số 63/2015/QĐ-TTg ngày 10/12/2015 của Thủ tướng Chính phủ (từ nguồn vốn do Tổng Liên đoàn lao động Việt Nam, Liên minh Hợp tác xã Việt Nam và Hội người mù Việt Nam quản lý).**

**a) Trình tự thực hiện:**

**Bước 1. Người vay.**

- Các thành viên hộ gia đình từ đủ 18 tuổi trở lên, có năng lực hành vi dân sự đầy đủ theo quy định của pháp luật, thỏa thuận và lập Giấy ủy quyền (mẫu số 01/UQ) cho 01 trong số các thành viên là đại diện đứng tên người vay và thực hiện các giao dịch với NHCSXH trước sự chứng kiến của Trưởng thôn (Giấy ủy quyền được nộp cho Ban quản lý Tổ Tiết kiệm và vay vốn);

- Người lao động viết “Giấy đề nghị vay vốn hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm” (mẫu số 01a ban hành kèm theo Thông tư số 45/2015/TT-BLĐTBXH ngày 11/11/2015 của Bộ LĐTB&XH);

- Hộ gia đình vay vốn cho người lao động: viết **Giấy đề nghị vay vốn hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm (mẫu số 01b)**;

- Gửi **Giấy đề nghị vay vốn (mẫu số 01b)** hoặc mẫu số 01a sau khi có xác nhận của UBND cấp xã về việc cư trú hợp pháp tại địa phương kèm theo các giấy tờ có liên quan đến NHCSXH nơi thực hiện thủ tục.

**Bước 2. NHCSXH nơi thực hiện thủ tục.**

- Kiểm tra tính hợp pháp, hợp lệ của bộ hồ sơ, tiến hành thẩm định; Nếu đủ điều kiện cho vay, NHCSXH nơi thực hiện thủ tục duyệt, trình cấp có thẩm quyền ra Quyết định phê duyệt cho vay;

- Sau khi có Quyết định phê duyệt cho vay của cấp có thẩm quyền, cán bộ Ngân hàng cùng người vay lập Hợp đồng tín dụng (mẫu 05b) trình NHCSXH nơi thực hiện thủ tục phê duyệt giải ngân;

- Căn cứ kết quả phê duyệt, NHCSXH nơi thực hiện thủ tục lập Thông báo kết quả phê duyệt cho vay (mẫu số 04/TD) gửi người vay.

**b) Cách thức thực hiện:** Người vay nộp bộ hồ sơ vay vốn trực tiếp tại NHCSXH nơi thực hiện thủ tục.

**c) Thành phần hồ sơ:**

- Người lao động: Giấy đề nghị vay vốn (mẫu 01a ban hành kèm theo Thông tư số 45/2015/TT-BLĐTBXH ngày 11/11/2015 của Bộ LĐTB&XH) có xác nhận của UBND cấp xã về việc cư trú hợp pháp tại địa phương: 02 bản chính (01 bản lưu NHCSXH nơi thực hiện thủ tục, 01 bản lưu người vay);

- Hộ gia đình vay vốn cho người lao động:

+ Giấy ủy quyền (mẫu số 01/UQ): 02 bản chính (01 bản lưu tại NHCSXH nơi thực hiện thủ tục, 01 bản lưu hộ gia đình vay vốn NHCSXH).

+ **Giấy đề nghị vay vốn (mẫu số 01b)** có xác nhận của UBND cấp xã về việc cư trú hợp pháp tại địa phương: 02 bản chính (01 bản lưu NHCSXH nơi thực hiện thủ tục, 01 bản lưu người vay);

- Các giấy tờ có liên quan người vay nộp:

+ Quyết định thu hồi đất với thời hạn trong vòng 5 năm kể từ ngày có Quyết định thu hồi đất: 01 bản sao có chứng thực hoặc bản sao từ sổ gốc do cơ quan có thẩm quyền cấp (lưu NHCSXH nơi thực hiện thủ tục).

+ Nếu người vay thuộc đối tượng ưu tiên được vay với mức lãi suất bằng 50% lãi suất cho vay thì nộp Giấy tờ chứng minh đối tượng theo quy định, gồm:

➤ **Giấy chứng minh nhân dân, hoặc hộ chiếu hoặc sổ hộ khẩu hoặc sổ tạm trú** đối với người lao động là người dân tộc thiểu số đang sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn: 02 bản sao có chứng thực hoặc bản sao từ sổ gốc do cơ quan có thẩm quyền cấp (01 bản lưu NHCSXH nơi thực hiện thủ tục, 01 bản lưu người vay);

➤ Giấy xác nhận khuyết tật do UBND cấp xã cấp (đối với người lao động là người khuyết tật): 02 bản sao có chứng thực hoặc bản sao từ sổ gốc do cơ quan có thẩm quyền cấp (01 bản lưu NHCSXH nơi thực hiện thủ tục, 01 bản lưu người vay).

**d) Số bộ hồ sơ:** 01 bộ

**đ) Thời hạn giải quyết:**

- Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ vay vốn, NHCSXH nơi thực hiện thủ tục thẩm định, trình Cơ quan của tổ chức thực hiện chương trình cấp tỉnh xem xét, phê duyệt;

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ trình duyệt, Cơ quan của tổ chức thực hiện chương trình cấp tỉnh xem xét, phê duyệt. Nếu không ra quyết định phê duyệt thì trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do để NHCSXH nơi thực hiện thủ tục thông báo cho người vay.

**e) Đối tượng thực hiện:** Cá nhân, Hộ gia đình vay vốn cho người lao động.

**g) Cơ quan thực hiện thủ tục:** NHCSXH nơi thực hiện thủ tục;

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Cơ quan cấp tỉnh của tổ chức thực hiện chương trình nơi thực hiện dự án;

- Cơ quan phối hợp: UBND cấp xã, cơ quan của Tổ chức thực hiện chương trình cấp tỉnh, Trường thôn.

**h) Kết quả thực hiện:** Thông báo kết quả phê duyệt cho vay (mẫu số 04/TD).

**i) Mức phí, tên phí:** Không.

**k) Mẫu đơn, tờ khai:**

- Người lao động: Giấy đề nghị vay vốn hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm (mẫu số 01a);

- Hộ gia đình vay vốn cho người lao động;
- + Giấy ủy quyền (*mẫu số 01/UQ*);
- + *Giấy đề nghị vay vốn hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm (mẫu số 01b)*.

### **l) Yêu cầu điều kiện thực hiện thủ tục:**

- Người lao động có năng lực hành vi dân sự đầy đủ;
- Cư trú hợp pháp tại địa phương nơi thực hiện dự án;
- Có nhu cầu vay vốn để tự tạo việc làm hoặc tạo việc làm cho thành viên trong hộ hoặc thu hút thêm lao động có xác nhận của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền nơi thực hiện dự án;
- Có Quyết định thu hồi đất với thời hạn trong vòng 5 năm kể từ ngày có Quyết định thu hồi đất.


### **m) Căn cứ pháp lý của thủ tục:**

- Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
- Luật Việc làm số 38/2013/QH13 ngày 16/11/2013 của Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2015;
- Nghị định số 78/2002/NĐ-CP ngày 04/10/2002 của Chính phủ về tín dụng đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác;
- Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09/7/2015 của Chính phủ Quy định về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm;
- Quyết định số 63/2015/QĐ-TTg ngày 10/12/2015 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ đào tạo nghề và giải quyết việc làm cho người lao động bị thu hồi đất;
- Thông tư số 45/2015/TT-BLĐTBXH ngày 11/11/2015 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện một số điều về Quỹ quốc gia về việc làm quy định tại Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09/7/2015 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm;
- *Thông tư số 24/2017/TT-BLĐTBXH ngày 21/8/2017 của Bộ Lao động - Thương binh và xã hội về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2015/TT-BLĐTBXH ngày 11/11/2015 của Bộ Lao động-Thương binh và xã hội về hướng dẫn thực hiện một số điều về Quỹ quốc gia về việc làm quy định tại Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09/7/2015 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm;*
- Văn bản số 3798/NHCS-TDSV ngày 20/11/2015 của Tổng Giám đốc NHCSXH hướng dẫn nghiệp vụ cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm;
- Văn bản số 329/NHCS-TDSV ngày 03/02/2016 của Tổng Giám đốc NHCSXH hướng dẫn nghiệp vụ cho vay hỗ trợ đào tạo nghề và giải quyết việc

làm đối với người lao động bị thu hồi đất theo Quyết định số 63/2015/QĐ-TTg ngày 10/12/2015 của Thủ tướng Chính phủ;

- Văn bản số 5650/NHCS-TDNN ngày 28/12/2016 của Tổng Giám đốc NHCSXH về việc bổ sung nội dung giao dịch dân sự giữa NHCSXH với hộ gia đình vay vốn kể từ ngày 01/01/2017;

- *Văn bản số 4268/NHCS-TDSV ngày 29/9/2017 của Tổng Giám đốc NHCSXH về việc hướng dẫn sửa đổi, bổ sung một số điểm văn bản số 3798/NHCS-TDSV ngày 20/11/2015 của Tổng Giám đốc NHCSXH.*

(Ghi chú: Phần chữ in **ngiêng**, **đậm** là nội dung sửa đổi, bổ sung) 

**5. Thủ tục thẩm định, phê duyệt vay vốn hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm đối với hộ gia đình bị thu hồi đất theo Quyết định số 63/2015/QĐ-TTg ngày 10/12/2015 của Thủ tướng Chính phủ, cho vay trực tiếp có ủy thác một số nội dung công việc trong quy trình cho vay cho các tổ chức chính trị - xã hội thông qua Tổ Tiết kiệm và vay vốn (nguồn vốn do UBND cấp tỉnh, Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Nông dân Việt Nam, Hội Cựu chiến binh Việt Nam quản lý).**

**a) Trình tự thực hiện:**

**Bước 1. Người vay.**

- Các thành viên hộ gia đình từ đủ 18 tuổi trở lên, có năng lực hành vi dân sự đầy đủ theo quy định của pháp luật, thỏa thuận và lập Giấy ủy quyền (mẫu số 01/UQ) cho 01 trong số các thành viên là đại diện đứng tên người vay và thực hiện các giao dịch với NHCSXH trước sự chứng kiến của Trưởng thôn (Giấy ủy quyền được nộp cho Ban quản lý Tổ Tiết kiệm và vay vốn).

- Tự nguyện gia nhập Tổ TK&VV tại nơi cư trú hợp pháp;

- Viết **Giấy đề nghị vay vốn hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm (mẫu số 01b)** kèm theo các giấy tờ có liên quan gửi Ban quản lý Tổ TK&VV.

**Bước 2. Ban quản lý Tổ TK&VV**

- Tổ chức họp Tổ TK&VV để bổ sung tổ viên (nếu có) và bình xét cho vay công khai theo Biên bản họp (mẫu số 10C/TD);

- Kiểm tra các yếu tố trên hồ sơ vay vốn, trình tổ chức chính trị - xã hội cấp xã được NHCSXH ủy thác để thẩm định (mẫu số 03b);

- Sau khi có kết quả thẩm định, lập Danh sách hộ gia đình đề nghị vay vốn NHCSXH (mẫu số 03/TD) và gửi kèm **Giấy đề nghị vay vốn (mẫu số 01b)** của các tổ viên Tổ TK&VV trình UBND cấp xã xác nhận;

- Gửi bộ hồ sơ vay vốn tới NHCSXH nơi thực hiện thủ tục sau khi có xác nhận của UBND cấp xã trên Danh sách (mẫu số 03/TD) và **Giấy đề nghị vay vốn (mẫu số 01b)**.

**Bước 3. NHCSXH nơi thực hiện thủ tục.**

- Cán bộ Ngân hàng kiểm tra đối chiếu tính hợp pháp, hợp lệ của hồ sơ vay vốn; nếu đủ điều kiện cho vay, trình NHCSXH nơi thực hiện thủ tục duyệt, trình cấp có thẩm quyền ra Quyết định phê duyệt cho vay;

- Sau khi có Quyết định phê duyệt cho vay của cấp có thẩm quyền, cán bộ Ngân hàng hướng dẫn người vay lập Sổ vay vốn trình NHCSXH nơi thực hiện thủ tục phê duyệt giải ngân;

- Căn cứ kết quả phê duyệt, NHCSXH nơi thực hiện thủ tục lập Thông báo kết quả phê duyệt cho vay (mẫu số 04/TD) gửi người vay.

**b) Cách thức thực hiện:**



Người vay nộp bộ hồ sơ vay vốn trực tiếp tới Ban quản lý Tổ TK&VV nơi người vay cư trú hợp pháp.

**c) Thành phần hồ sơ:**

- Người vay kê khai:

+ Giấy ủy quyền (*mẫu số 01/UQ*): 02 bản chính (*01 bản lưu tại NHCSXH nơi thực hiện thủ tục, 01 bản lưu hộ gia đình vay vốn NHCSXH*);

+ **Giấy đề nghị vay vốn (*mẫu số 01b*)** có xác nhận của UBND cấp xã về cư trú hợp pháp: 02 bản chính (*01 bản lưu NHCSXH nơi thực hiện thủ tục, 01 bản lưu người vay*);

- Ban quản lý Tổ TK&VV:

+ Danh sách hộ gia đình đề nghị vay vốn (*mẫu số 03/TD*): 04 bản (Tổ TK&VV lưu 01 bản chính, Tổ chức chính trị - xã hội nhận ủy thác lưu 01 bản sao, NHCSXH nơi thực hiện thủ tục lưu 01 bản chính và 01 bản sao);

+ Biên bản họp Tổ TK&VV đối với trường hợp kết nạp thêm tổ viên mới (*mẫu số 10C/TD*): 02 bản (*01 bản chính lưu Tổ TK&VV, 01 bản sao lưu NHCSXH nơi thực hiện thủ tục*).

- Các giấy tờ có liên quan người vay nộp:

+ Quyết định thu hồi đất với thời hạn trong vòng 5 năm kể từ ngày có Quyết định thu hồi đất: 01 bản sao có chứng thực hoặc bản sao từ sổ gốc do cơ quan có thẩm quyền cấp (*lưu NHCSXH nơi thực hiện thủ tục*);

+ Nếu người vay thuộc đối tượng ưu tiên được vay với mức lãi suất bằng 50% lãi suất cho vay thì nộp Giấy tờ chứng minh đối tượng theo quy định, gồm:

➤ **Giấy chứng minh nhân dân, hoặc hộ chiếu hoặc sổ hộ khẩu hoặc sổ tạm trú** đối với người lao động là người dân tộc thiểu số đang sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn: 02 bản sao có chứng thực hoặc bản sao từ sổ gốc do cơ quan có thẩm quyền cấp (*01 bản lưu NHCSXH nơi thực hiện thủ tục, 01 bản lưu người vay*);

➤ Giấy xác nhận khuyết tật do UBND cấp xã cấp (đối với người lao động là người khuyết tật): 02 bản sao có chứng thực hoặc bản sao từ sổ gốc do cơ quan có thẩm quyền cấp (*01 bản lưu NHCSXH nơi thực hiện thủ tục, 01 bản lưu người vay*).

**d) Số bộ hồ sơ:** 01 bộ

**đ) Thời hạn giải quyết:**

- Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ vay vốn, NHCSXH nơi thực hiện thủ tục thẩm định, trình Cơ quan của tổ chức thực hiện chương trình cấp tỉnh hoặc UBND cấp huyện nơi thực hiện dự án xem xét, phê duyệt;

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ trình duyệt, Cơ quan của tổ chức thực hiện chương trình cấp tỉnh hoặc UBND cấp huyện nơi thực hiện dự án xem xét, phê duyệt. Nếu không ra quyết định phê

duyet thi tra loi bang van ban va neu ro ly do de NHCSXH noi thuc hien thu tục thông báo cho người vay.

**e) Đối tượng thực hiện:** Hộ gia đình vay vốn cho người lao động (thông qua Tổ TK&VV).

**g) Cơ quan thực hiện thủ tục:** NHCSXH nơi thực hiện thủ tục;

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Cơ quan của tổ chức thực hiện chương trình cấp tỉnh hoặc UBND cấp huyện nơi thực hiện thủ tục;

- Cơ quan phối hợp: UBND, các tổ chức chính trị - xã hội nhận ủy thác cấp xã; Trưởng thôn; Ban quản lý Tổ TK&VV.

**h) Kết quả thực hiện:** Thông báo kết quả phê duyệt cho vay (mẫu số 04/TD).

**i) Mức phí, tên phí:** Không.

**k) Mẫu đơn, tờ khai:**

- Giấy ủy quyền (mẫu số 01/UQ);

- *Giấy đề nghị vay vốn hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm (mẫu số 01b);*

- Sổ vay vốn.

**l) Yêu cầu điều kiện thực hiện thủ tục:**

- Người lao động có năng lực hành vi dân sự đầy đủ;

- Cư trú hợp pháp tại địa phương nơi thực hiện dự án;

- Có nhu cầu vay vốn để tự tạo việc làm hoặc tạo việc làm cho thành viên trong hộ hoặc thu hút thêm lao động có xác nhận của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền nơi thực hiện dự án;

- Có Quyết định thu hồi đất với thời hạn trong vòng 5 năm kể từ ngày có Quyết định thu hồi đất.

**m) Căn cứ pháp lý của thủ tục:**

- Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

- Luật Việc làm số 38/2013/QH13 ngày 16/11/2013 của Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2015;

- Nghị định số 78/2002/NĐ-CP ngày 04/10/2002 của Chính phủ về tín dụng đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác;

- Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09/7/2015 của Chính phủ Quy định về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm;

- Quyết định số 63/2015/QĐ-TTg ngày 10/12/2015 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ đào tạo nghề và giải quyết việc làm cho người lao động bị thu hồi đất;

- Thông tư số 45/2015/TT-BLĐTBXH ngày 11/11/2015 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện một số điều về Quỹ quốc gia về

việc làm quy định tại Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09/7/2015 của Chính phủ Quy định về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm;

- **Thông tư số 24/2017/TT-BLĐTBXH ngày 21/8/2017 của Bộ Lao động - Thương binh và xã hội về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2015/TT-BLĐTBXH ngày 11/11/2015 của Bộ Lao động-Thương binh và xã hội về hướng dẫn thực hiện một số điều về Quỹ quốc gia về việc làm quy định tại Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09/7/2015 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm;**

- Văn bản số 3798/NHCS-TDSV ngày 20/11/2015 của Tổng Giám đốc NHCSXH hướng dẫn nghiệp vụ cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm;

- Văn bản số 329/NHCS-TDSV ngày 03/02/2016 của Tổng Giám đốc NHCSXH hướng dẫn nghiệp vụ cho vay hỗ trợ đào tạo nghề và giải quyết việc làm đối với người lao động bị thu hồi đất theo Quyết định số 63/2015/QĐ-TTg ngày 10/12/2015 của Thủ tướng Chính phủ;

- Văn bản số 5650/NHCS-TDNN ngày 28/12/2016 của Tổng Giám đốc NHCSXH về việc bổ sung nội dung giao dịch dân sự giữa NHCSXH với hộ gia đình vay vốn kể từ ngày 01/01/2017;

- **Văn bản số 4268/NHCS-TDSV ngày 29/9/2017 của Tổng Giám đốc NHCSXH về việc hướng dẫn sửa đổi, bổ sung một số điểm văn bản số 3798/NHCS-TDSV ngày 20/11/2015 của Tổng Giám đốc NHCSXH.**

**(Ghi chú: Phần chữ in nghiêng, đậm là nội dung sửa đổi, bổ sung)**





## **6. Thủ tục phê duyệt cho vay người lao động thuộc huyện nghèo đi xuất khẩu lao động.**

### **a) Trình tự thực hiện**

#### **Bước 1: Hộ vay vốn:**

- Các thành viên hộ gia đình từ đủ 18 tuổi trở lên, có năng lực hành vi dân sự đầy đủ theo quy định của pháp luật, thỏa thuận và lập Giấy ủy quyền (*mẫu số 01/UQ*) cho 01 trong số các thành viên là đại diện đứng tên người vay và thực hiện các giao dịch với NHCSXH trước sự chứng kiến của Trưởng thôn (Giấy ủy quyền được nộp cho Ban quản lý Tổ Tiết kiệm và vay vốn).

- Tự nguyện gia nhập Tổ Tiết kiệm và vay vốn (TK&VV) tại nơi cư trú hợp pháp.

- Viết *Giấy đề nghị vay vốn đi làm việc ở nước ngoài theo Hợp đồng (mẫu số 02/XKLĐ)* kê khai các thông tin vào Sổ vay vốn, nộp UBND cấp xã xác nhận về việc cư trú hợp pháp tại địa phương.

- Gửi *Giấy đề nghị vay vốn (mẫu số 02/XKLĐ)* có xác nhận của UBND cấp xã kèm theo các giấy tờ có liên quan đến Ban quản lý Tổ TK&VV.

#### **Bước 2: Ban quản lý Tổ TK&VV:**

- Tổ chức họp Tổ TK&VV để bổ sung tổ viên và bình xét cho vay công khai theo Biên bản họp (*mẫu số 10C/TD*);

- Lập Danh sách hộ gia đình đề nghị vay vốn (*mẫu số 03/TD*) kèm hồ sơ vay vốn của các tổ viên Tổ TK&VV trình UBND cấp xã xác nhận;

- Gửi bộ hồ sơ vay vốn tới NHCSXH nơi thực hiện thủ tục sau khi có xác nhận của UBND cấp xã trên Danh sách hộ gia đình đề nghị vay vốn (*mẫu số 03/TD*).

#### **Bước 3: NHCSXH nơi thực hiện thủ tục:**

- Kiểm tra, đối chiếu tính hợp pháp, hợp lệ của bộ hồ sơ vay vốn sau khi đã nhận đầy đủ bộ hồ sơ từ Ban quản lý Tổ TK&VV, trình cấp có thẩm quyền xem xét, phê duyệt cho vay.

- Gửi Thông báo kết quả phê duyệt cho vay (*mẫu số 04/TD*) tới UBND cấp xã để thông báo đến người vay.

### **b) Cách thức thực hiện:**

*Người vay nộp bộ hồ sơ vay vốn trực tiếp tới Ban quản lý Tổ TK&VV nơi người vay cư trú hợp pháp.*

### **c) Thành phần hồ sơ:**

- Người vay kê khai:

+ Giấy ủy quyền (*mẫu số 01/UQ*): 02 bản chính (01 bản lưu tại NHCSXH nơi thực hiện thủ tục, 01 bản lưu hộ gia đình vay vốn NHCSXH).

+ *Giấy đề nghị vay vốn (mẫu số 02/XKLĐ)*: 01 bản chính (lưu NHCSXH nơi thực hiện thủ tục);

+ Sổ vay vốn: 02 bản chính (01 bản lưu người vay, 01 bản lưu tại NHCSXH nơi thực hiện thủ tục);

- Ban quản lý Tổ TK&VV:

+ Danh sách hộ gia đình đề nghị vay vốn (mẫu số 03/TD): 04 bản (Tổ TK&VV lưu 01 bản chính, Tổ chức chính trị - xã hội nhận ủy thác lưu 01 bản sao, NHCSXH nơi thực hiện thủ tục lưu 01 bản chính và 01 bản sao);

+ Biên bản họp Tổ TK&VV đối với trường hợp kết nạp thêm tổ viên mới (mẫu số 10C/TD): 02 bản (01 bản chính lưu Tổ TK&VV, 01 bản sao lưu NHCSXH nơi thực hiện thủ tục).

- Các giấy tờ có liên quan người vay nộp:

+ Hợp đồng ký kết giữa người lao động với doanh nghiệp dịch vụ hoặc tổ chức sự nghiệp đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài: 01 bản sao có chứng thực (lưu NHCSXH nơi thực hiện thủ tục);

+ Hợp đồng thỏa thuận về việc chuyển tiền lương của người lao động để trả nợ, trả lãi tiền vay NHCSXH theo (mẫu số 03/XK61) đối với người lao động được Doanh nghiệp quản lý tiền lương: 01 bản chính (lưu NHCSXH nơi thực hiện thủ tục);

+ Hộ chiếu còn thời hạn của người lao động: 01 Bản sao có chứng thực (lưu NHCSXH nơi thực hiện thủ tục).

d) Số bộ hồ sơ: 01 bộ.

đ) Thời hạn giải quyết:

Trong thời hạn 5 (năm) ngày làm việc kể từ ngày NHCSXH nơi thực hiện thủ tục nhận được bộ hồ sơ đầy đủ, hợp lệ từ Ban quản lý Tổ TK&VV.

e) Đối tượng thực hiện: Hộ gia đình (vay vốn thông qua Tổ TK&VV)

g) Cơ quan thực hiện thủ tục: NHCSXH nơi thực hiện thủ tục;

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: NHCSXH nơi thực hiện thủ tục;

- Cơ quan phối hợp: UBND, các Tổ chức chính trị - xã hội nhận ủy thác cấp xã; Trưởng thôn và Ban quản lý Tổ TK&VV.

h) Kết quả thực hiện: Thông báo phê duyệt cho vay (mẫu số 04/TD).

i) Mức phí, tên phí: Không.

k) Mẫu đơn, tờ khai:

- Giấy ủy quyền (mẫu số 01/UQ);

- Giấy đề nghị vay vốn đi làm việc ở nước ngoài theo Hợp đồng (mẫu số 02/XKLD);

- Sổ vay vốn.

l) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục:

- Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ;



- Người vay là tổ viên Tổ TK&VV;

- Người vay cư trú hợp pháp tại 61 huyện nghèo thuộc chương trình hỗ trợ giảm nghèo nhanh và bền vững theo Nghị quyết số 30a gồm các huyện trong phụ lục I ban hành kèm công văn số 705/TTg-GKVVX ngày 11/5/2009 của Thủ tướng Chính phủ và các huyện mới tách ra từ 61 huyện nghèo nói trên đều thuộc đối tượng thực hiện Nghị quyết 30a;

- Có Hợp đồng ký kết giữa người lao động và doanh nghiệp dịch vụ, tổ chức sự nghiệp đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo Hợp đồng.

- Người vay được UBND cấp xã xác nhận trên Danh sách hộ gia đình đề nghị vay vốn NHCSXH chương trình cho vay người lao động thuộc huyện nghèo đi xuất khẩu lao động (mẫu số 03/TD) do Ban quản lý Tổ TK&VV lập.

### **m) Căn cứ pháp lý của thủ tục:**

- Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

- Nghị định số 78/2002/NĐ-CP ngày 04/10/2002 của Chính phủ về tín dụng đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác;

- Quyết định số 71/2009/QĐ-TTg ngày 29/4/2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án hỗ trợ các huyện nghèo đẩy mạnh xuất khẩu lao động góp phần giảm nghèo bền vững giai đoạn 2009-2020;

*- Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09/7/2015 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm;*

- Thông tư liên tịch số 31/2009/TTLT-BLĐTBXH-BTC ngày 09/9/2009 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Tài chính “Hướng dẫn một số nội dung của Quyết định số 71/2009/QĐ-TTg ngày 29/4/2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án hỗ trợ các huyện nghèo đẩy mạnh xuất khẩu lao động góp phần giảm nghèo bền vững giai đoạn 2009 - 2020”;

*- Thông tư số 45/2015/TT-BLĐTBXH ngày 11/11/2015 của Bộ Lao động-Thương binh và xã hội về hướng dẫn thực hiện một số điều về Quỹ quốc gia về việc làm quy định tại Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09/7/2015 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm;*

*- Thông tư số 24/2017/TT-BLĐTBXH ngày 21/8/2017 của Bộ Lao động - Thương binh và xã hội về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2015/TT-BLĐTBXH ngày 11/11/2015 của Bộ Lao động-Thương binh và xã hội về hướng dẫn thực hiện một số điều về Quỹ quốc gia về việc làm quy định tại Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09/7/2015 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm;*

- Văn bản số 3390/LĐTBXH-QLLĐNN ngày 16/10/2013 của Bộ trưởng Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội về bổ sung, điều chỉnh mức trần chi phí đối với lao động huyện nghèo vay vốn đi làm việc ở nước ngoài;

- Quyết định số 15/QĐ-HĐQT ngày 5/3/2013 của Hội đồng quản trị NHCSXH về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Tổ TK&VV;

- Văn bản số 1034/NHCS-TD ngày 21/4/2008 của Tổng Giám đốc NHCSXH Hướng dẫn nghiệp vụ cho vay các đối tượng chính sách đi lao động có thời hạn ở nước ngoài;

- Văn bản số 243/NHCS-TD ngày 18/02/2009 của Tổng Giám đốc NHCSXH Hướng dẫn phát hành Sổ vay vốn và phát hành Biên lai thu lãi;

- Văn bản số 2667/NHCS-TDNN ngày 21/9/2009 của Tổng Giám đốc NHCSXH hướng dẫn thực hiện cho vay người lao động thuộc huyện nghèo đi xuất khẩu lao động theo Quyết định số 71/2009/QĐ-TTg ngày 29/4/2009 của Thủ tướng Chính phủ;

- Văn bản số 720/NHCS-TDNN-HSSV ngày 29/3/2011 của Tổng Giám đốc NHCSXH về việc hướng dẫn sửa đổi, bổ sung, thay thế một số điểm trong các văn bản hướng dẫn nghiệp vụ cho vay hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác;

- Văn bản số 2934/NHCS-TDNN ngày 02/12/2011 của Tổng Giám đốc NHCSXH về việc sửa đổi, bổ sung nghiệp vụ phát hành biên lai thu lãi, huy động tiền gửi tiết kiệm của tổ viên Tổ TK&VV và thanh toán hoa hồng cho Tổ TK&VV;

- Văn bản số 1004/NHCS-TDNN ngày 12/4/2013 của Tổng Giám đốc NHCSXH về việc thực hiện Điều 21 Quyết định 15/QĐ-HĐQT ngày 5/3/2013 của Hội đồng quản trị NHCSXH về Quy chế tổ chức và hoạt động của Tổ TK&VV;

- Văn bản số 3586/NHCS-TDNN ngày 07/11/2013 của Tổng Giám đốc NHCSXH về việc Thông báo thay đổi mức trần chi phí đối với lao động vay vốn đi làm việc ở nước ngoài;

- *Văn bản số 4289/NHCS-TDNN ngày 25/12/2015 của Tổng Giám đốc NHCSXH hướng dẫn nghiệp vụ cho vay đối với người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09/7/2015 của Chính phủ về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm;*

- *Văn bản số 607/NHCS-TDNN ngày 15/3/2016 của Tổng Giám đốc NHCSXH hướng dẫn nghiệp vụ cho vay đi làm việc ở nước ngoài đối với lao động thuộc hộ nghèo, người dân tộc thiểu số;*

- Văn bản số 5650/NHCS-TDNN ngày 28/12/2016 của Tổng Giám đốc NHCSXH về việc bổ sung nội dung giao dịch dân sự giữa NHCSXH với hộ gia đình vay vốn kể từ ngày 01/01/2017;

- *Văn bản số 4397/NHCS-TDNN ngày 10/10/2017 của Tổng Giám đốc NHCSXH về việc thay đổi mẫu biểu cho vay đi làm việc ở nước ngoài.*

*(Ghi chú: Phần chữ in nghiêng, đậm là nội dung sửa đổi, bổ sung)*

## **7. Thủ tục phê duyệt cho vay đến 50 triệu đồng đối với hộ gia đình thuộc hộ nghèo, người dân tộc thiểu số đi làm việc ở nước ngoài**

### **a) Trình tự thực hiện:**

#### **Bước 1: Hộ vay vốn:**

- Các thành viên hộ gia đình từ đủ 18 tuổi trở lên, có năng lực hành vi dân sự đầy đủ theo quy định của pháp luật, thỏa thuận và lập Giấy ủy quyền (*mẫu số 01/UQ*) cho 01 trong số các thành viên là đại diện đứng tên người vay và thực hiện các giao dịch với NHCSXH trước sự chứng kiến của Trưởng thôn (Giấy ủy quyền được nộp cho Ban quản lý Tổ Tiết kiệm và vay vốn).

- Tự nguyện gia nhập Tổ Tiết kiệm và vay vốn (TK&VV) tại nơi cư trú hợp pháp.

- Viết *Giấy đề nghị vay vốn đi làm việc ở nước ngoài theo Hợp đồng (mẫu số 02/XKLĐ)* kê khai các thông tin vào Sổ vay vốn, nộp UBND cấp xã xác nhận về việc cư trú hợp pháp tại địa phương và thuộc hộ nghèo (nếu có);

- Gửi *Giấy đề nghị vay vốn (mẫu số 02/XKLĐ)* có xác nhận của UBND cấp xã kèm theo các giấy tờ có liên quan đến Ban quản lý Tổ TK&VV.

#### **Bước 2: Ban quản lý Tổ TK&VV:**

- Tổ chức họp Tổ TK&VV để bổ sung tổ viên và bình xét cho vay công khai theo Biên bản họp (*mẫu số 10C/TD*);

- Lập Danh sách hộ gia đình đề nghị vay vốn (*mẫu số 03/TD*) kèm hồ sơ vay vốn của các tổ viên Tổ TK&VV trình UBND cấp xã xác nhận;

- Gửi bộ hồ sơ vay vốn tới NHCSXH nơi thực hiện thủ tục sau khi có xác nhận của UBND cấp xã trên Danh sách hộ gia đình đề nghị vay vốn (*mẫu số 03/TD*).

#### **Bước 3: NHCSXH nơi thực hiện thủ tục:**

- Kiểm tra, đối chiếu tính hợp pháp, hợp lệ của bộ hồ sơ vay vốn sau khi đã nhận đầy đủ bộ hồ sơ từ Ban quản lý Tổ TK&VV, trình cấp có thẩm quyền xem xét, phê duyệt cho vay.

- Gửi Thông báo kết quả phê duyệt cho vay (*mẫu số 04/TD*) tới UBND cấp xã để thông báo đến người vay.

**b) Cách thức thực hiện:** Người vay nộp bộ hồ sơ vay vốn trực tiếp tới Ban quản lý Tổ TK&VV nơi người vay cư trú hợp pháp.

#### **c) Thành phần hồ sơ:**

- Người vay kê khai:

+ Giấy ủy quyền (*mẫu số 01/UQ*): 02 bản chính (*01 bản lưu tại NHCSXH nơi thực hiện thủ tục, 01 bản lưu hộ gia đình vay vốn NHCSXH*);

+ *Giấy đề nghị vay vốn đi làm việc ở nước ngoài theo Hợp đồng (mẫu số 02/XKLĐ)*: 01 bản chính (*lưu NHCSXH nơi thực hiện thủ tục*);

+ Sổ vay vốn: 02 bản chính (01 bản lưu người vay, 01 bản lưu tại NHCSXH nơi thực hiện thủ tục).

- Ban quản lý Tổ TK&VV:

+ Danh sách hộ gia đình đề nghị vay vốn (mẫu số 03/TD): 04 bản (Tổ TK&VV lưu 01 bản chính, Tổ chức chính trị - xã hội nhận ủy thác lưu 01 bản sao, NHCSXH nơi thực hiện thủ tục lưu 01 bản chính và 01 bản sao);

+ Biên bản họp Tổ TK&VV đối với trường hợp kết nạp thêm tổ viên mới (mẫu số 10C/TD): 02 bản (01 bản chính lưu Tổ TK&VV, 01 bản sao lưu NHCSXH nơi thực hiện thủ tục).

- Các giấy tờ có liên quan người vay nộp:

+ Hợp đồng ký kết giữa người lao động với doanh nghiệp dịch vụ hoặc tổ chức sự nghiệp đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài: 01 bản sao có chứng thực (lưu NHCSXH nơi thực hiện thủ tục);

+ Hợp đồng thỏa thuận về việc chuyển tiền lương của người lao động để trả nợ, trả lãi tiền vay NHCSXH theo (mẫu số 03/XX61) đối với người lao động được Doanh nghiệp quản lý tiền lương: 01 bản chính (lưu NHCSXH nơi thực hiện thủ tục);

+ Giấy chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu hoặc sổ hộ khẩu hoặc sổ tạm trú: trong trường hợp người lao động là người dân tộc thiểu số không thuộc diện hộ nghèo theo chuẩn nghèo được Thủ tướng Chính phủ quy định từng thời kỳ: 01 bản sao có chứng thực (lưu NHCSXH nơi thực hiện thủ tục).

d) Số bộ hồ sơ: 01 bộ.

đ) Thời hạn giải quyết:

Trong thời hạn 5 (năm) ngày làm việc kể từ ngày NHCSXH nơi thực hiện thủ tục nhận được bộ hồ sơ đầy đủ, hợp lệ từ Ban quản lý Tổ TK&VV.

e) Đối tượng thực hiện: Hộ gia đình (vay vốn thông qua Tổ TK&VV)

g) Cơ quan thực hiện thủ tục: NHCSXH nơi thực hiện thủ tục;

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: NHCSXH nơi thực hiện thủ tục;

- Cơ quan phối hợp: UBND, các Tổ chức chính trị - xã hội nhận ủy thác cấp xã; Trưởng thôn và Ban quản lý Tổ TK&VV.

h) Kết quả thực hiện: Thông báo phê duyệt cho vay (mẫu số 04/TD).

i) Mức phí, tên phí: Không.

k) Mẫu đơn, tờ khai:

- Giấy ủy quyền (mẫu số 01/UQ);

- Giấy đề nghị vay vốn đi làm việc ở nước ngoài theo Hợp đồng (mẫu số 02/XXLD);

- Sổ vay vốn.



**l) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục:**

- Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ;
- Cư trú hợp pháp tại địa phương được Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận;
- Thuộc các đối tượng sau:

+ Người lao động thuộc hộ nghèo theo chuẩn nghèo được Thủ tướng Chính phủ quy định từng thời kỳ;

+ Người lao động là người dân tộc thiểu số (không bao gồm người kinh trên địa bàn);

- Có Hợp đồng ký kết giữa người lao động và doanh nghiệp dịch vụ, tổ chức sự nghiệp đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo Hợp đồng.

**m) Căn cứ pháp lý của thủ tục:**

- Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

- Luật Việc làm số 38/2013/QH13 ngày 16/11/2013 của Quốc Hội;

- Nghị định số 78/2002/NĐ-CP ngày 04/10/2002 của Chính phủ về tín dụng đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác;

- Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09/7/2015 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm;

- Quyết định số 365/QĐ-NHNN ngày 13/4/2004 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về việc cho vay đối với người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài;

- Thông tư số 45/2015/TT-BLĐTBXH ngày 11/11/2015 của Bộ Lao động-Thương binh và xã hội về hướng dẫn thực hiện một số điều về Quỹ quốc gia về việc làm quy định tại Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09/7/2015 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm;

*- Thông tư số 24/2017/TT-BLĐTBXH ngày 21/8/2017 của Bộ Lao động - Thương binh và xã hội về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2015/TT-BLĐTBXH ngày 11/11/2015 của Bộ Lao động-Thương binh và xã hội về hướng dẫn thực hiện một số điều về Quỹ quốc gia về việc làm quy định tại Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09/7/2015 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm;*

- Nghị quyết phiên họp Hội đồng quản trị Quý IV số 12/NQ-HĐQT ngày 19/02/2016 của Hội đồng quản trị NHCSXH;

- Văn bản số 4289/NHCS-TDNN ngày 25/12/2015 của Tổng Giám đốc NHCSXH hướng dẫn nghiệp vụ cho vay đối với người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09/7/2015 của Chính phủ về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm;

- Văn bản số 607/NHCS-TDNN ngày 15/3/2016 của Tổng Giám đốc NHCSXH hướng dẫn nghiệp vụ cho vay đi làm việc ở nước ngoài đối với lao động thuộc hộ nghèo, người dân tộc thiểu số;

- Văn bản số 5650/NHCS-TDNN ngày 28/12/2016 của Tổng Giám đốc NHCSXH về việc bổ sung nội dung giao dịch dân sự giữa NHCSXH với hộ gia đình vay vốn kể từ ngày 01/01/2017;

- Văn bản số 4397/NHCS-TDNN ngày 10/10/2017 của Tổng Giám đốc NHCSXH về việc thay đổi mẫu biểu cho vay đi làm việc ở nước ngoài.

(Ghi chú: Phần chữ in nghiêng, đậm là nội dung sửa đổi, bổ sung)





**8. Thủ tục thẩm định, phê duyệt cho vay trên 50 triệu đồng đối với hộ gia đình thuộc hộ nghèo, người dân tộc thiểu số đi làm việc ở nước ngoài**

**a) Trình tự thực hiện:**

**Bước 1. Hộ vay:**

- Các thành viên hộ gia đình từ đủ 18 tuổi trở lên, có năng lực hành vi dân sự đầy đủ theo quy định của pháp luật, thỏa thuận và lập Giấy ủy quyền (mẫu số 01/UQ) cho 01 trong số các thành viên là đại diện đứng tên người vay và thực hiện các giao dịch với NHCSXH trước sự chứng kiến của Trưởng thôn (Giấy ủy quyền được nộp cho Ban quản lý Tổ Tiết kiệm và vay vốn).

- Viết *Giấy đề nghị vay vốn đi làm việc ở nước ngoài theo Hợp đồng (mẫu số 02/XKLĐ)*” nộp UBND cấp xã xác nhận;

- Gửi *Giấy đề nghị vay vốn (mẫu số 02/XKLĐ)* có xác nhận của UBND cấp xã kèm theo các giấy tờ có liên quan đến NHCSXH nơi thực hiện thủ tục.

**Bước 2: NHCSXH nơi thực hiện thủ tục:**

- Kiểm tra, đối chiếu tính hợp pháp, hợp lệ của bộ hồ sơ vay vốn;

- Thẩm định tài sản bảo đảm tiền vay, cùng người vay lập Hợp đồng thế chấp, cầm cố (nếu có) và Hợp đồng Tín dụng (mẫu số 04/XK61);

- Trình lãnh đạo phê duyệt trên *Giấy đề nghị vay vốn (mẫu số 02/XKLĐ)*, ký Hợp đồng thế chấp, cầm cố và Hợp đồng Tín dụng (mẫu số 04/XK61).

**b) Cách thức thực hiện:** Người vay nộp hồ sơ vay vốn trực tiếp tới NHCSXH nơi thực hiện thủ tục.

**c) Thành phần hồ sơ:**

- Người vay kê khai:

+ Giấy ủy quyền (mẫu số 01/UQ): 02 bản chính (01 bản lưu tại NHCSXH nơi thực hiện thủ tục, 01 bản lưu hộ gia đình vay vốn NHCSXH);

+ *Giấy đề nghị vay vốn đi làm việc ở nước ngoài theo Hợp đồng (mẫu số 02/XKLĐ)*: 01 bản chính (lưu NHCSXH nơi thực hiện thủ tục).

- Các giấy tờ có liên quan người vay nộp:

+ Hợp đồng ký kết giữa người lao động với doanh nghiệp dịch vụ hoặc tổ chức sự nghiệp đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài: 01 bản sao có chứng thực (lưu NHCSXH nơi thực hiện thủ tục);

+ Hợp đồng thỏa thuận về việc chuyển tiền lương của người lao động để trả nợ, trả lãi tiền vay NHCSXH theo (mẫu số 03/XK61) đối với người lao động được Doanh nghiệp quản lý tiền lương: 01 bản chính (lưu NHCSXH nơi thực hiện thủ tục);

+ *Giấy chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu hoặc sổ hộ khẩu hoặc sổ tạm trú: trong trường hợp người lao động là người dân tộc thiểu số không*

**thuộc diện hộ nghèo theo chuẩn nghèo được Thủ tướng Chính phủ quy định từng thời kỳ:** 01 bản sao có chứng thực (lưu NHCSXH nơi thực hiện thủ tục).

+ Hồ sơ đảm bảo tiền vay: 02 bản (01 bản lưu người vay, 01 bản lưu NHCSXH nơi thực hiện thủ tục).

**d) Số bộ hồ sơ:** 01 bộ.

**đ) Thời hạn giải quyết:**

Trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày NHCSXH nơi thực hiện thủ tục nhận được bộ hồ sơ đầy đủ, hợp lệ từ người vay vốn.

**e) Đối tượng thực hiện:** Hộ gia đình.

**g) Cơ quan thực hiện thủ tục:** NHCSXH nơi thực hiện thủ tục;

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: NHCSXH nơi thực hiện thủ tục;

- Cơ quan phối hợp: Ủy ban nhân dân cấp xã, Trưởng thôn.

**h) Kết quả thực hiện:**

Hợp đồng Tín dụng (mẫu số 04/XK61) được ký kết giữa NHCSXH nơi thực hiện thủ tục và người vay.

**i) Mức phí, tên phí:** Không.

**k) Mẫu đơn, tờ khai:**

- Giấy ủy quyền (mẫu số 01/UQ);

- Giấy đề nghị vay vốn đi làm việc ở nước ngoài theo Hợp đồng (mẫu số 02/XKLD).

**l) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục:**

- Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ;

- Cư trú hợp pháp tại địa phương được Ủy ban nhân dân (UBND) cấp xã xác nhận;

- Thuộc các đối tượng sau:

+ Người lao động thuộc hộ nghèo theo chuẩn nghèo được Thủ tướng Chính phủ quy định từng thời kỳ;

+ Người lao động là người dân tộc thiểu số (không bao gồm người kinh trên địa bàn);

- Có Hợp đồng ký kết giữa người lao động và doanh nghiệp dịch vụ, tổ chức sự nghiệp đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo Hợp đồng.

**m) Căn cứ pháp lý của thủ tục:**

- Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

- Luật Việc làm số 38/2013/QH13 ngày 16/11/2013 của Quốc Hội;

- Nghị định số 78/2002/NĐ-CP ngày 04/10/2002 của Chính phủ về tín dụng đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác;

- Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09/7/2015 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm;

- Quyết định số 365/QĐ-NHNN ngày 13/4/2004 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về việc cho vay đối với người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài;

- Thông tư số 45/2015/TT-BLĐTBXH ngày 11/11/2015 của Bộ Lao động-Thương binh và xã hội về hướng dẫn thực hiện một số điều về Quỹ quốc gia về việc làm quy định tại Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09/7/2015 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm;

***- Thông tư số 24/2017/TT-BLĐTBXH ngày 21/8/2017 của Bộ Lao động - Thương binh và xã hội về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2015/TT-BLĐTBXH ngày 11/11/2015 của Bộ Lao động-Thương binh và xã hội về hướng dẫn thực hiện một số điều về Quỹ quốc gia về việc làm quy định tại Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09/7/2015 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm;***

- Nghị quyết phiên họp Hội đồng quản trị Quý IV số 12/NQ-HĐQT ngày 19/02/2016 của Hội đồng quản trị NHCSXH;

- Văn bản số 2478/NHCS-TDSV ngày 04/9/2009 của Tổng Giám đốc NHCSXH hướng dẫn các biện pháp bảo đảm tiền vay trong hệ thống NHCSXH;

- Văn bản số 4289/NHCS-TDNN ngày 25/12/2015 của Tổng Giám đốc NHCSXH hướng dẫn nghiệp vụ cho vay đối với người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09/7/2015 của Chính phủ về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm;

- Văn bản số 607/NHCS-TDNN ngày 15/3/2016 của Tổng Giám đốc NHCSXH hướng dẫn nghiệp vụ cho vay đi làm việc ở nước ngoài đối với lao động thuộc hộ nghèo, người dân tộc thiểu số;

- Văn bản số 5650/NHCS-TDNN ngày 28/12/2016 của Tổng Giám đốc NHCSXH về việc bổ sung nội dung giao dịch dân sự giữa NHCSXH với hộ gia đình vay vốn kể từ ngày 01/01/2017;

***- Văn bản số 4397/NHCS-TDNN ngày 10/10/2017 của Tổng Giám đốc NHCSXH về việc thay đổi mẫu biểu cho vay đi làm việc ở nước ngoài.***

***(Ghi chú: Phần chữ in nghiêng, đậm là nội dung sửa đổi, bổ sung)***

**9. Thủ tục phê duyệt cho vay đến 50 triệu đồng đối với hộ gia đình vay vốn đi làm việc ở nước ngoài theo Nghị định số 61/2015/NĐ-CP**

**a) Trình tự thực hiện:**

**Bước 1:** Hộ vay vốn:

- Các thành viên hộ gia đình từ đủ 18 tuổi trở lên, có năng lực hành vi dân sự đầy đủ theo quy định của pháp luật, thỏa thuận và lập Giấy ủy quyền (mẫu số 01/UQ) cho 01 trong số các thành viên là đại diện đứng tên người vay và thực hiện các giao dịch với NHCSXH trước sự chứng kiến của Trưởng thôn (Giấy ủy quyền được nộp cho Ban quản lý Tổ Tiết kiệm và vay vốn).

- Tự nguyện gia nhập Tổ Tiết kiệm và vay vốn tại nơi cư trú hợp pháp.

- Viết **Giấy đề nghị vay vốn đi làm việc ở nước ngoài theo Hợp đồng (mẫu số 02/XKLD)**, kê khai các thông tin vào Sổ vay vốn, nộp UBND cấp xã xác nhận về việc cư trú hợp pháp tại địa phương và thuộc hộ cận nghèo (nếu có);

- Gửi **Giấy đề nghị vay vốn (mẫu số 02/XKLD)** có xác nhận của UBND cấp xã kèm theo các giấy tờ có liên quan đến Ban quản lý Tổ TK&VV.

**Bước 2:** Ban quản lý Tổ TK&VV:

- Tổ chức họp Tổ TK&VV để bổ sung tổ viên và bình xét cho vay công khai theo Biên bản họp (mẫu số 10C/TD);

- Lập Danh sách hộ gia đình đề nghị vay vốn (mẫu số 03/TD) kèm hồ sơ vay vốn của các tổ viên Tổ TK&VV trình UBND cấp xã xác nhận;

- Gửi bộ hồ sơ vay vốn tới NHCSXH nơi thực hiện thủ tục sau khi có xác nhận của UBND cấp xã trên Danh sách hộ gia đình đề nghị vay vốn (mẫu số 03/TD).

**Bước 3:** NHCSXH nơi thực hiện thủ tục:

- Kiểm tra, đối chiếu tính hợp pháp, hợp lệ của bộ hồ sơ vay vốn sau khi đã nhận đầy đủ bộ hồ sơ từ Ban quản lý Tổ TK&VV, trình cấp có thẩm quyền xem xét, phê duyệt cho vay.

- Gửi Thông báo kết quả phê duyệt cho vay (mẫu số 04/TD) tới UBND cấp xã để thông báo đến người vay.

**b) Cách thức thực hiện:** Người vay nộp hồ sơ vay vốn trực tiếp tới NHCSXH nơi thực hiện thủ tục.

**c) Thành phần hồ sơ:**

- Người vay kê khai:

+ Giấy ủy quyền (mẫu số 01/UQ): 02 bản chính (01 bản lưu tại NHCSXH nơi thực hiện thủ tục, 01 bản lưu hộ gia đình vay vốn NHCSXH);

+ **Giấy đề nghị vay vốn đi làm việc ở nước ngoài theo Hợp đồng (mẫu số 02/XKLD)**: 01 bản chính (lưu NHCSXH nơi thực hiện thủ tục);

+ Sổ vay vốn: 02 bản chính (01 bản lưu người vay, 01 bản lưu tại NHCSXH nơi thực hiện thủ tục).

- Các giấy tờ có liên quan người vay nộp:

+ Giấy xác nhận thân nhân người có công với cách mạng (mẫu số 04 ban hành kèm theo Thông tư số 45/2015/TT-BLĐTBXH ngày 11/11/2015 của Bộ LĐTB&XH): 01 Bản sao có chứng thực (lưu NHCSXH nơi thực hiện thủ tục). (Áp dụng đối với người vay là thân nhân người có công với cách mạng);

+ Giấy xác nhận người thuộc hộ gia đình bị thiệt hại do sự cố môi trường biển (mẫu số 1 ban hành kèm theo công văn số 2687/LĐTBXK-VL ngày 30/6/2017 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội): 01 bản sao (lưu NHCSXH nơi thực hiện thủ tục). (Áp dụng đối với người vay thuộc hộ gia đình bị thiệt hại do sự cố môi trường biển);

+ Hợp đồng ký kết giữa người lao động với doanh nghiệp dịch vụ hoặc tổ chức sự nghiệp đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài: 01 bản sao có chứng thực (lưu NHCSXH nơi thực hiện thủ tục);

+ Hợp đồng thỏa thuận về việc chuyển tiền lương của người lao động để trả nợ, trả lãi tiền vay NHCSXH theo (mẫu số 03/XK61) đối với người lao động được Doanh nghiệp quản lý tiền lương: 01 bản chính (lưu NHCSXH nơi thực hiện thủ tục);

+ Hộ chiếu còn thời hạn của người lao động: 01 Bản sao có chứng thực (lưu NHCSXH nơi thực hiện thủ tục).

**d) Số bộ hồ sơ:** 01 bộ.

**đ) Thời hạn giải quyết:**

Trong thời hạn 5 (năm) ngày làm việc kể từ ngày NHCSXH nơi thực hiện thủ tục nhận được bộ hồ sơ đầy đủ, hợp lệ từ Ban quản lý Tổ TK&VV.

**e) Đối tượng thực hiện:** Hộ gia đình

**g) Cơ quan thực hiện thủ tục:** NHCSXH nơi thực hiện thủ tục;

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: NHCSXH nơi thực hiện thủ tục;

- Cơ quan phối hợp: UBND, các Tổ chức chính trị - xã hội nhận ủy thác cấp xã; Trưởng thôn và Ban quản lý Tổ TK&VV.

**h) Kết quả thực hiện:**

Hợp đồng Tín dụng (mẫu số 04/XK61) được ký kết giữa NHCSXH nơi thực hiện thủ tục và người vay.

**i) Mức phí, tên phí:** Không.

**k) Mẫu đơn, tờ khai:**

- Giấy ủy quyền (mẫu số 01/UQ);

- Giấy đề nghị vay vốn đi làm việc ở nước ngoài theo Hợp đồng (mẫu số 02/XKLD);

- Sổ vay vốn.



### **l) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục:**

- Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ;

- Cư trú hợp pháp tại địa phương được Ủy ban nhân dân (UBND) cấp xã xác nhận;

- Thuộc các đối tượng sau:

+ Người lao động thuộc diện hộ cận nghèo theo chuẩn hộ cận nghèo được Thủ tướng Chính phủ công bố từng thời kỳ.

+ Người lao động là thân nhân của người có công với cách mạng là cha đẻ, mẹ đẻ; vợ hoặc chồng; con (con đẻ, con nuôi). Thân nhân liệt sĩ còn là người có công nuôi dưỡng liệt sĩ; Người có công với cách mạng bao gồm:

(i) Người hoạt động cách mạng trước ngày 01/01/1945;

(ii) Người hoạt động cách mạng từ ngày 01/01/1945 đến ngày khởi nghĩa tháng Tám năm 1945;

(iii) Liệt sĩ;

(iv) Bà mẹ Việt Nam anh hùng;

(v) Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân;

(vi) Anh hùng Lao động trong thời kỳ kháng chiến;

(vii) Thương binh, người hưởng chính sách như thương binh;

(viii) Bệnh binh;

(ix) Người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học;

(x) Người hoạt động cách mạng, hoạt động kháng chiến bị địch bắt tù, đày;

(xi) Người hoạt động kháng chiến giải phóng dân tộc, bảo vệ Tổ quốc và làm nghĩa vụ quốc tế;

(xii) Người có công giúp đỡ cách mạng.

+ Đối với người vay thuộc hộ gia đình bị thiệt hại do sự cố môi trường biển tại 04 tỉnh Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên Huế:

(i) Thuộc hộ gia đình có cá nhân có tên trong danh sách bị thiệt hại do sự cố môi trường biển được Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt;

(ii) Chỉ được xem xét cho vay đến ngày 31/12/2018.

- Có hợp đồng ký kết giữa người lao động và doanh nghiệp dịch vụ, tổ chức sự nghiệp đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.

### **m) Căn cứ pháp lý của thủ tục:**

- Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

- Luật Việc làm số 38/2013/QH13 ngày 16/11/2013 của Quốc Hội;

- Pháp lệnh số 04/2012/UBTVQH13 ngày 16/7/2012 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng;

- Nghị định số 78/2002/NĐ-CP ngày 04/10/2002 của Chính phủ về tín dụng đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác;

- Nghị định số 31/2013/NĐ-CP ngày 09/4/2013 của Chính phủ về việc quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng;

- Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09/7/2015 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm;

- Quyết định số 12/QĐ-TTg ngày 06/01/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt Đề án “Xác định thiệt hại, thực hiện bồi thường, hỗ trợ; khôi phục sản xuất và đảm bảo an sinh xã hội cho người dân bị ảnh hưởng do sự cố môi trường biển tại 04 tỉnh Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị và Thừa Thiên Huế”;

- Thông tư số 45/2015/TT-BLĐTBXH ngày 11/11/2015 của Bộ Lao động-Thương binh và xã hội về hướng dẫn thực hiện một số điều về Quỹ quốc gia về việc làm quy định tại Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09/7/2015 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm;

*- Thông tư số 24/2017/TT-BLĐTBXH ngày 21/8/2017 của Bộ Lao động - Thương binh và xã hội về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2015/TT-BLĐTBXH ngày 11/11/2015 của Bộ Lao động-Thương binh và xã hội về hướng dẫn thực hiện một số điều về Quỹ quốc gia về việc làm quy định tại Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09/7/2015 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm;*

- Công văn số 2687/LĐTBXH-VL ngày 30/6/2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc hướng dẫn thực hiện chính sách hỗ trợ đào tạo nghề nghiệp, hỗ trợ tạo việc làm và hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước;

- Văn bản số 2478/NHCS-TDSV ngày 04/9/2009 của Tổng Giám đốc NHCSXH hướng dẫn các biện pháp bảo đảm tiền vay trong hệ thống NHCSXH;


- Văn bản số 4289/NHCS-TDNN ngày 25/12/2015 của Tổng Giám đốc NHCSXH hướng dẫn Nghiệp vụ cho vay đối với người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09/7/2015 của Chính phủ về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm;

- Văn bản số 607/NHCS-TDNN ngày 15/3/2016 của Tổng Giám đốc NHCSXH hướng dẫn nghiệp vụ cho vay đi làm việc ở nước ngoài đối với lao động thuộc hộ nghèo, người dân tộc thiểu số;

- Văn bản số 5650/NHCS-TDNN ngày 28/12/2016 của Tổng Giám đốc NHCSXH về việc bổ sung nội dung giao dịch dân sự giữa NHCSXH với hộ gia đình vay vốn kể từ ngày 01/01/2017;

- Văn bản số 3048/NHCS-TDNN ngày 07/7/2017 của Tổng Giám đốc NHCSXH về việc bổ sung đối tượng khách hàng vay vốn đi làm việc ở nước ngoài theo Hợp đồng;

- Văn bản số 4397/NHCS-TDNN ngày 10/10/2017 của Tổng Giám đốc NHCXSH về việc thay đổi mẫu biểu cho vay đi làm việc ở nước ngoài.

*(Ghi chú: Phần chữ in nghiêng, đậm là nội dung sửa đổi, bổ sung)* 



**10. Thủ tục thẩm định, phê duyệt cho vay trên 50 triệu đồng đối với hộ gia đình vay vốn đi làm việc ở nước ngoài theo Nghị định số 61/2015/NĐ-CP**

**a) Trình tự thực hiện:**

**Bước 1: Hộ vay:**

- Các thành viên hộ gia đình từ đủ 18 tuổi trở lên, có năng lực hành vi dân sự đầy đủ theo quy định của pháp luật, thỏa thuận và lập Giấy ủy quyền (mẫu số 01/UQ) cho 01 trong số các thành viên là đại diện đứng tên người vay và thực hiện các giao dịch với NHCSXH trước sự chứng kiến của Trưởng thôn (Giấy ủy quyền được nộp cho Ban quản lý Tổ Tiết kiệm và vay vốn).

- Viết *Giấy đề nghị vay vốn đi làm việc ở nước ngoài theo Hợp đồng (mẫu số 02/XKLD)* nộp UBND cấp xã xác nhận về việc cư trú hợp pháp tại địa phương và thuộc hộ cận nghèo (nếu có);

- Gửi *Giấy đề nghị vay vốn (mẫu số 02/XKLD)* có xác nhận của UBND cấp xã kèm theo các giấy tờ có liên quan đến NHCSXH nơi thực hiện thủ tục.

**Bước 2: NHCSXH nơi thực hiện thủ tục:**

- Kiểm tra, đối chiếu tính hợp pháp, hợp lệ của bộ hồ sơ vay vốn;

- Thẩm định tài sản bảo đảm tiền vay, cùng người vay lập Hợp đồng thế chấp, cầm cố (nếu có) và Hợp đồng Tín dụng (mẫu số 04/XK61);

- Trình lãnh đạo phê duyệt trên *Giấy đề nghị vay vốn (mẫu số 02/XKLD)*, ký Hợp đồng thế chấp, cầm cố và Hợp đồng Tín dụng (mẫu số 04/XK61).

**b) Cách thức thực hiện:** Người vay nộp hồ sơ vay vốn trực tiếp tới NHCSXH nơi thực hiện thủ tục.

**c) Thành phần hồ sơ:**

- Người vay kê khai:

+ Giấy ủy quyền (mẫu số 01/UQ): 02 bản chính (01 bản lưu tại NHCSXH nơi thực hiện thủ tục, 01 bản lưu hộ gia đình vay vốn NHCSXH);

+ *Giấy đề nghị vay vốn đi làm việc ở nước ngoài theo Hợp đồng (mẫu số 02/XKLD)*: 01 bản chính (lưu NHCSXH nơi thực hiện thủ tục).

- Các giấy tờ có liên quan người vay nộp:

+ Giấy xác nhận thân nhân người có công với cách mạng (mẫu số 04 ban hành kèm theo Thông tư số 45/2015/TT-BLĐTBXH ngày 11/11/2015 của Bộ LĐTB&XH): 01 Bản sao có chứng thực (lưu NHCSXH nơi thực hiện thủ tục). (Áp dụng đối với người vay là thân nhân người có công với cách mạng);

+ Giấy xác nhận người thuộc hộ gia đình bị thiệt hại do sự cố môi trường biển (mẫu số 1 ban hành kèm theo công văn số 2687/LĐTBXK-VL ngày 30/6/2017 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội): 01 bản sao (lưu NHCSXH nơi thực hiện thủ tục). (Áp dụng đối với người vay thuộc hộ gia đình bị thiệt hại do sự cố môi trường biển);



+ Hợp đồng ký kết giữa người lao động với doanh nghiệp dịch vụ hoặc tổ chức sự nghiệp đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài: 01 bản sao có chứng thực (*lưu NHCSXH nơi thực hiện thủ tục*);

+ Hợp đồng thỏa thuận về việc chuyển tiền lương của người lao động để trả nợ, trả lãi tiền vay NHCSXH theo (*mẫu số 03/XK61*) đối với người lao động được Doanh nghiệp quản lý tiền lương: 01 bản chính (*lưu NHCSXH nơi thực hiện thủ tục*);

+ Hộ chiếu còn thời hạn của người lao động: 01 Bản sao có chứng thực (*lưu NHCSXH nơi thực hiện thủ tục*).

+ Hồ sơ đảm bảo tiền vay: 02 bản (*01 bản lưu người vay, 01 bản lưu NHCSXH nơi thực hiện thủ tục*).

**d) Số bộ hồ sơ:** 01 bộ.

**đ) Thời hạn giải quyết:**

Trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày NHCSXH nơi thực hiện thủ tục nhận được bộ hồ sơ đầy đủ, hợp lệ từ người vay vốn.

**e) Đối tượng thực hiện:** Hộ gia đình.

**g) Cơ quan thực hiện thủ tục:** NHCSXH nơi thực hiện thủ tục;

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: NHCSXH nơi thực hiện thủ tục;

- Cơ quan phối hợp: UBND cấp xã; Trưởng thôn.

**h) Kết quả thực hiện:**

Hợp đồng Tín dụng (*mẫu số 04/XK61*) được ký kết giữa NHCSXH nơi thực hiện thủ tục và người vay.

**i) Mức phí, tên phí:** Không.

**k) Mẫu đơn, tờ khai:**

- Giấy ủy quyền (*mẫu số 01/UQ*);

- *Giấy đề nghị vay vốn đi làm việc ở nước ngoài theo Hợp đồng (mẫu số 02/XKLD)*.

**l) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục:**

- Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ;

- Cư trú hợp pháp tại địa phương được Ủy ban nhân dân (UBND) cấp xã xác nhận;

- Thuộc các đối tượng sau:

+ Người lao động thuộc diện hộ cận nghèo theo chuẩn hộ cận nghèo được Thủ tướng Chính phủ công bố từng thời kỳ.

+ Người lao động là thân nhân của người có công với cách mạng là cha đẻ, mẹ đẻ; vợ hoặc chồng; con (con đẻ, con nuôi). Thân nhân liệt sĩ còn là người có công nuôi dưỡng liệt sĩ; Người có công với cách mạng bao gồm:

- (i) Người hoạt động cách mạng trước ngày 01/01/1945;
- (ii) Người hoạt động cách mạng từ ngày 01/01/1945 đến ngày khởi nghĩa tháng Tám năm 1945;
- (iii) Liệt sĩ;
- (iv) Bà mẹ Việt Nam anh hùng;
- (v) Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân;
- (vi) Anh hùng Lao động trong thời kỳ kháng chiến;
- (vii) Thương binh, người hưởng chính sách như thương binh;
- (viii) Bệnh binh;
- (ix) Người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học;
- (x) Người hoạt động cách mạng, hoạt động kháng chiến bị địch bắt tù, đày;
- (xi) Người hoạt động kháng chiến giải phóng dân tộc, bảo vệ Tổ quốc và làm nghĩa vụ quốc tế;
- (xii) Người có công giúp đỡ cách mạng.

+ Đối với người vay thuộc hộ gia đình bị thiệt hại do sự cố môi trường biển tại 04 tỉnh Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên Huế:

(i) Thuộc hộ gia đình có cá nhân có tên trong danh sách bị thiệt hại do sự cố môi trường biển được Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt;

(ii) Chỉ được xem xét cho vay đến ngày 31/12/2018.

- Có hợp đồng ký kết giữa người lao động và doanh nghiệp dịch vụ, tổ chức sự nghiệp đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.

#### **m) Căn cứ pháp lý của thủ tục:**

- Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

- Luật Việc làm số 38/2013/QH13 ngày 16/11/2013 của Quốc Hội;

- Pháp lệnh số 04/2012/UBTVQH13 ngày 16/7/2012 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng;

- Nghị định số 78/2002/NĐ-CP ngày 04/10/2002 của Chính phủ về tín dụng đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác;

- Nghị định số 31/2013/NĐ-CP ngày 09/4/2013 của Chính phủ về việc quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng;

- Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09/7/2015 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm;

- Quyết định số 12/QĐ-TTg ngày 06/01/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt Đề án “Xác định thiệt hại, thực hiện bồi thường, hỗ trợ, khôi phục sản xuất và đảm bảo an sinh xã hội cho người dân bị ảnh hưởng do sự cố môi trường biển tại 04 tỉnh Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị và Thừa Thiên Huế”;

- Thông tư số 45/2015/TT-BLĐTBXH ngày 11/11/2015 của Bộ Lao động-Thương binh và xã hội về hướng dẫn thực hiện một số điều về Quỹ quốc gia về việc làm quy định tại Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09/7/2015 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm;

*- Thông tư số 24/2017/TT-BLĐTBXH ngày 21/8/2017 của Bộ Lao động - Thương binh và xã hội về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2015/TT-BLĐTBXH ngày 11/11/2015 của Bộ Lao động-Thương binh và xã hội về hướng dẫn thực hiện một số điều về Quỹ quốc gia về việc làm quy định tại Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09/7/2015 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm;*

- Công văn số 2687/LĐTBXH-VL ngày 30/6/2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc hướng dẫn thực hiện chính sách hỗ trợ đào tạo nghề nghiệp, hỗ trợ tạo việc làm và hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước;

- Văn bản số 2478/NHCS-TDSV ngày 04/9/2009 của Tổng Giám đốc NHCSXH hướng dẫn các biện pháp bảo đảm tiền vay trong hệ thống NHCSXH;

- Văn bản số 4289/NHCS-TDNN ngày 25/12/2015 của Tổng Giám đốc NHCSXH hướng dẫn Nghiệp vụ cho vay đối với người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09/7/2015 của Chính phủ về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm;

- Văn bản số 607/NHCS-TDNN ngày 15/3/2016 của Tổng Giám đốc NHCSXH hướng dẫn nghiệp vụ cho vay đi làm việc ở nước ngoài đối với lao động thuộc hộ nghèo, người dân tộc thiểu số;

- Văn bản số 5650/NHCS-TDNN ngày 28/12/2016 của Tổng Giám đốc NHCSXH về việc bổ sung nội dung giao dịch dân sự giữa NHCSXH với hộ gia đình vay vốn kể từ ngày 01/01/2017;

- Văn bản số 3048/NHCS-TDNN ngày 07/7/2017 của Tổng Giám đốc NHCSXH về việc bổ sung đối tượng khách hàng vay vốn đi làm việc ở nước ngoài theo Hợp đồng;

*- Văn bản số 4397/NHCS-TDNN ngày 10/10/2017 của Tổng Giám đốc NHCSXH về việc thay đổi mẫu biểu cho vay đi làm việc ở nước ngoài.*

**(Ghi chú: Phân chữ in nghiêng, đậm là nội dung sửa đổi, bổ sung)**



**11. Thủ tục phê duyệt cho vay đến 50 triệu đồng đối với hộ gia đình bị thu hồi đất theo Quyết định số 63/2015/QĐ-TTg đi làm việc ở nước ngoài**

**a) Trình tự thực hiện:**

**Bước 1: Hộ vay vốn:**

- Các thành viên hộ gia đình từ đủ 18 tuổi trở lên, có năng lực hành vi dân sự đầy đủ theo quy định của pháp luật, thỏa thuận và lập Giấy ủy quyền (mẫu số 01/UQ) cho 01 trong số các thành viên là đại diện đứng tên người vay và thực hiện các giao dịch với NHCSXH trước sự chứng kiến của Trưởng thôn (Giấy ủy quyền được nộp cho Ban quản lý Tổ Tiết kiệm và vay vốn);

- Tự nguyện gia nhập Tổ Tiết kiệm và vay vốn (TK&VV) tại nơi cư trú hợp pháp;

- Viết **Giấy đề nghị vay vốn đi làm việc ở nước ngoài theo Hợp đồng (mẫu số 02/XKLD)** kê khai các thông tin vào Sổ vay vốn, nộp UBND cấp xã xác nhận về việc cư trú hợp pháp tại địa phương (nếu có);

- Gửi **Giấy đề nghị vay vốn (mẫu số 02/XKLD)** có xác nhận của UBND cấp xã kèm theo các giấy tờ có liên quan đến Ban quản lý Tổ TK&VV.

**Bước 2: Ban quản lý Tổ TK&VV:**

- Tổ chức họp Tổ TK&VV để bổ sung tổ viên và bình xét cho vay công khai theo Biên bản họp (mẫu số 10C/TD);

- Lập Danh sách hộ gia đình đề nghị vay vốn (mẫu số 03/TD) kèm hồ sơ vay vốn của các tổ viên Tổ TK&VV trình UBND cấp xã xác nhận;

- Gửi bộ hồ sơ vay vốn tới NHCSXH nơi thực hiện thủ tục sau khi có xác nhận của UBND cấp xã trên Danh sách hộ gia đình đề nghị vay vốn (mẫu số 03/TD).

**Bước 3: NHCSXH nơi thực hiện thủ tục:**

- Kiểm tra, đối chiếu tính hợp pháp, hợp lệ của bộ hồ sơ vay vốn sau khi đã nhận đầy đủ bộ hồ sơ từ Ban quản lý Tổ TK&VV, trình cấp có thẩm quyền xem xét, phê duyệt cho vay.

- Gửi Thông báo kết quả phê duyệt cho vay (mẫu số 04/TD) tới UBND cấp xã để thông báo đến người vay.

**b) Cách thức thực hiện:** Người vay nộp bộ hồ sơ vay vốn trực tiếp tới Ban quản lý Tổ TK&VV nơi người vay cư trú hợp pháp.

**c) Thành phần hồ sơ:**

- Người vay kê khai:

+ Giấy ủy quyền (mẫu số 01/UQ): 02 bản chính (01 bản lưu tại NHCSXH nơi thực hiện thủ tục, 01 bản lưu hộ gia đình vay vốn NHCSXH);

+ **Giấy đề nghị vay vốn đi làm việc ở nước ngoài theo Hợp đồng (mẫu số 02/XKLD)**: 01 bản chính (lưu NHCSXH nơi thực hiện thủ tục);

+ Sổ vay vốn: 02 bản chính (01 bản lưu người vay, 01 bản lưu tại NHCSXH nơi thực hiện thủ tục).

- Ban quản lý Tổ TK&VV:

+ Danh sách hộ gia đình đề nghị vay vốn (*mẫu số 03/TD*): 04 bản (*Tổ TK&VV lưu 01 bản chính, Tổ chức chính trị - xã hội nhận ủy thác lưu 01 bản sao, NHCSXH nơi thực hiện thủ tục lưu 01 bản chính và 01 bản sao*);

+ Biên bản họp Tổ TK&VV đối với trường hợp kết nạp thêm tổ viên mới (*mẫu số 10C/TD*): 02 bản (*01 bản chính lưu Tổ TK&VV, 01 bản sao lưu NHCSXH nơi thực hiện thủ tục*).

- Các giấy tờ có liên quan người vay nộp:

+ Hợp đồng ký kết giữa người lao động và doanh nghiệp dịch vụ, tổ chức sự nghiệp đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng: 01 bản sao có chứng thực (*lưu NHCSXH nơi thực hiện thủ tục*);

+ Hợp đồng thỏa thuận về việc chuyển tiền lương của người lao động để trả nợ, trả lãi tiền vay NHCSXH theo (*mẫu số 03/XK61*) đối với người lao động được Doanh nghiệp quản lý tiền lương: 01 bản chính (*lưu NHCSXH nơi thực hiện thủ tục*);

+ Hộ chiếu còn thời hạn của người lao động: 01 Bản sao có chứng thực (*lưu NHCSXH nơi thực hiện thủ tục*);

+ Quyết định thu hồi đất của cấp có thẩm quyền với thời hạn trong vòng 5 năm kể từ ngày Quyết định thu hồi đất có hiệu lực: 01 bản sao có chứng thực hoặc công chứng (*lưu NHCSXH nơi thực hiện thủ tục*).

**d) Số bộ hồ sơ:** 01 bộ.

**đ) Thời hạn giải quyết:**

Trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày NHCSXH nơi thực hiện thủ tục nhận được bộ hồ sơ đầy đủ, hợp lệ từ Ban quản lý Tổ TK&VV.

**e) Đối tượng thực hiện:** Hộ gia đình (*vay vốn thông qua Tổ TK&VV*)

**g) Cơ quan thực hiện thủ tục:** NHCSXH nơi thực hiện thủ tục;

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: NHCSXH nơi thực hiện thủ tục;

- Cơ quan phối hợp: UBND, các Tổ chức chính trị - xã hội nhận ủy thác cấp xã; Trưởng thôn và Ban quản lý Tổ TK&VV.

**h) Kết quả thực hiện:** Thông báo phê duyệt cho vay (*mẫu số 04/TD*).

**i) Mức phí, tên phí:** Không.

**k) Mẫu đơn, tờ khai:**

- Giấy ủy quyền (*mẫu số 01/UQ*);

- *Giấy đề nghị vay vốn đi làm việc ở nước ngoài theo Hợp đồng (mẫu số 02/XKLD)*;

- Sổ vay vốn.



### **l) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục:**

- Người vay có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, là tổ viên Tổ TK&VV;
- Người vay cư trú hợp pháp tại địa phương được UBND cấp xã xác nhận;
- Người vay thuộc các đối tượng sau:

+ Người lao động thuộc hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp đã được nhà nước giao đất nông nghiệp theo quy định (trừ trường hợp hộ gia đình, cá nhân là cán bộ, công nhân viên của nông trường quốc doanh, lâm trường quốc doanh đã nghỉ hưu, nghỉ mất sức lao động, thôi việc được hưởng trợ cấp) khi Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp mà được bồi thường bằng tiền đối với diện tích đất nông nghiệp thu hồi;

+ Người lao động thuộc hộ gia đình, cá nhân khi Nhà nước thu hồi đất ở kết hợp kinh doanh, dịch vụ mà phải di chuyển chỗ ở.

- Có Hợp đồng ký kết giữa người lao động và doanh nghiệp dịch vụ, tổ chức sự nghiệp đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo Hợp đồng.

- Có Quyết định thu hồi đất với thời hạn trong vòng 5 năm kể từ ngày có Quyết định thu hồi đất

### **m) Căn cứ pháp lý của thủ tục:**

- Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

- Luật Việc làm số 38/2013/QH13 ngày 16/11/2013 của Quốc hội;

- Nghị định số 78/2002/NĐ-CP ngày 04/10/2002 của Chính phủ về tín dụng đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác;

- Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09/7/2015 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm;

- Quyết định số 63/2015/QĐ-TTg ngày 10/12/2015 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ đào tạo nghề và giải quyết việc làm cho người lao động bị thu hồi đất;

- Thông tư số 45/2015/TT-BLĐTBXH ngày 11/11/2015 của Bộ Lao động-Thương binh và xã hội về hướng dẫn thực hiện một số điều về Quỹ quốc gia về việc làm quy định tại Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09/7/2015 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm;

*- Thông tư số 24/2017/TT-BLĐTBXH ngày 21/8/2017 của Bộ Lao động - Thương binh và xã hội về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2015/TT-BLĐTBXH ngày 11/11/2015 của Bộ Lao động-Thương binh và xã hội về hướng dẫn thực hiện một số điều về Quỹ quốc gia về việc làm quy định tại Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09/7/2015 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm;*

- Quyết định số 15/QĐ-HĐQT ngày 05/3/2013 của Hội đồng quản trị NHCSXH về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Tổ TK&VV;

- Văn bản số 1004/NHCS-TDNN ngày 12/4/2013 của Tổng Giám đốc NHCSXH về việc thực hiện Điều 21 Quyết định 15/QĐ-HĐQT ngày 05/3/2013 của Hội đồng quản trị NHCSXH về Quy chế tổ chức và hoạt động của Tổ TK&VV;

- Văn bản số 4289/NHCS-TDNN ngày 25/12/2015 của Tổng Giám đốc NHCSXH hướng dẫn nghiệp vụ cho vay đối với người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09/7/2015 của Chính phủ về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm;

- Văn bản 313/NHCS-TDNN ngày 01/02/2016 của Tổng Giám đốc NHCSXH hướng dẫn nghiệp vụ cho vay đi làm việc ở nước ngoài đối với người lao động bị thu hồi đất theo Quyết định số 63/2015/QĐ-TTg ngày 10/12/2015 của Thủ tướng Chính phủ;

- Văn bản số 607/NHCS-TDNN ngày 15/3/2016 của Tổng Giám đốc NHCSXH hướng dẫn nghiệp vụ cho vay đi làm việc ở nước ngoài đối với lao động thuộc hộ nghèo, người dân tộc thiểu số;

- Văn bản số 5650/NHCS-TDNN ngày 28/12/2016 của Tổng Giám đốc NHCSXH về việc bổ sung nội dung giao dịch dân sự giữa NHCSXH với hộ gia đình vay vốn kể từ ngày 01/01/2017;

- *Văn bản số 4397/NHCS-TDNN ngày 10/10/2017 của Tổng Giám đốc NHCSXH về việc thay đổi mẫu biểu cho vay đi làm việc ở nước ngoài.*

**(Ghi chú: Phần chữ in nghiêng, đậm là nội dung sửa đổi, bổ sung)**





**12. Thủ tục thẩm định, phê duyệt cho vay trên 50 triệu đồng đối với hộ gia đình bị thu hồi đất theo Quyết định số 63/2015/QĐ-TTg đi làm việc ở nước ngoài**

**a) Trình tự thực hiện:**

**Bước 1: Người vay**

- Các thành viên hộ gia đình từ đủ 18 tuổi trở lên, có năng lực hành vi dân sự đầy đủ theo quy định của pháp luật, thỏa thuận và lập Giấy ủy quyền (*mẫu số 01/UQ*) cho 01 trong số các thành viên là đại diện đứng tên người vay và thực hiện các giao dịch với NHCSXH trước sự chứng kiến của Trưởng thôn (Giấy ủy quyền được nộp cho Ban quản lý Tổ Tiết kiệm và vay vốn).

- Viết *Giấy đề nghị vay vốn đi làm việc ở nước ngoài theo Hợp đồng (mẫu số 02/XKLĐ)* nộp UBND cấp xã xác nhận về việc cư trú hợp pháp tại địa phương;

- Gửi *Giấy đề nghị vay vốn (mẫu số 02/XKLĐ)* có xác nhận của UBND cấp xã kèm theo các giấy tờ có liên quan đến NHCSXH nơi thực hiện thủ tục.

**Bước 2: NHCSXH nơi thực hiện thủ tục:**

- Kiểm tra, đối chiếu tính hợp pháp, hợp lệ của bộ hồ sơ vay vốn;

- Thẩm định tài sản bảo đảm tiền vay, cùng người vay lập Hợp đồng thế chấp, cầm cố (nếu có) và Hợp đồng Tín dụng (*mẫu số 04/XK61*);

- Trình lãnh đạo phê duyệt trên *Giấy đề nghị vay vốn (mẫu số 02/XKLĐ)*, ký Hợp đồng thế chấp, cầm cố và Hợp đồng Tín dụng (*mẫu số 04/XK61*).

**b) Cách thức thực hiện:** Người vay nộp hồ sơ vay vốn trực tiếp tới NHCSXH nơi thực hiện thủ tục.

**c) Thành phần hồ sơ:**

- Người vay kê khai:

+ Giấy ủy quyền (*mẫu số 01/UQ*): 02 bản chính (*01 bản lưu tại NHCSXH nơi thực hiện thủ tục, 01 bản lưu hộ gia đình vay vốn NHCSXH*).

+ *Giấy đề nghị vay vốn đi làm việc ở nước ngoài theo Hợp đồng (mẫu số 02/XKLĐ)*: 01 bản chính (*lưu NHCSXH nơi thực hiện thủ tục*);

- Các giấy tờ có liên quan người vay nộp:

+ Hợp đồng ký kết giữa người lao động và doanh nghiệp dịch vụ, tổ chức sự nghiệp đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo Hợp đồng: 01 bản sao có chứng thực (*lưu NHCSXH nơi thực hiện thủ tục*);

+ Hợp đồng thỏa thuận về việc chuyển tiền lương của người lao động để trả nợ, trả lãi tiền vay NHCSXH theo (*mẫu số 03/XK61*) đối với người lao động được Doanh nghiệp quản lý tiền lương: 01 bản chính (*lưu NHCSXH nơi thực hiện thủ tục*);

+ Hộ chiếu còn thời hạn của người lao động: 01 Bản sao có chứng thực (*lưu NHCSXH nơi thực hiện thủ tục*).



+ Hồ sơ đảm bảo tiền vay: 02 bản (01 bản lưu người vay, 01 bản lưu NHCSXH nơi thực hiện thủ tục).

+ Quyết định thu hồi đất của cấp có thẩm quyền với thời hạn trong vòng 5 năm kể từ ngày Quyết định thu hồi đất có hiệu lực: 01 bản sao có chứng thực hoặc công chứng (lưu NHCSXH nơi thực hiện thủ tục).

**d) Số bộ hồ sơ:** 01 bộ.

**đ) Thời hạn giải quyết:**

Trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày NHCSXH nơi thực hiện thủ tục nhận được bộ hồ sơ đầy đủ, hợp lệ từ người vay vốn.

**e) Đối tượng thực hiện:** Hộ gia đình.

**g) Cơ quan thực hiện thủ tục:** NHCSXH nơi thực hiện thủ tục;

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: NHCSXH nơi thực hiện thủ tục;

- Cơ quan phối hợp: Ủy ban nhân dân cấp xã, Trưởng thôn.

**h) Kết quả thực hiện:**

Hợp đồng Tín dụng (mẫu số 04/XK61) được ký kết giữa NHCSXH nơi thực hiện thủ tục và người vay.

**i) Mức phí, tên phí:** Không.

**k) Mẫu đơn, tờ khai:**

- Giấy ủy quyền (mẫu số 01/UQ);

- Giấy đề nghị vay vốn đi làm việc ở nước ngoài theo Hợp đồng (mẫu số 02/XKLD).

**l) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục:**

- Người vay có năng lực hành vi dân sự đầy đủ;

- Người vay cư trú hợp pháp tại địa phương được UBND cấp xã xác nhận;

- Người vay thuộc các đối tượng sau:

+ Người lao động thuộc hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp đã được nhà nước giao đất nông nghiệp theo quy định (trừ trường hợp hộ gia đình, cá nhân là cán bộ, công nhân viên của nông trường quốc doanh, lâm trường quốc doanh đã nghỉ hưu, nghỉ mất sức lao động, thôi việc được hưởng trợ cấp) khi Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp mà được bồi thường bằng tiền đối với diện tích đất nông nghiệp thu hồi;

+ Người lao động thuộc hộ gia đình, cá nhân khi Nhà nước thu hồi đất ở kết hợp kinh doanh, dịch vụ mà phải di chuyển chỗ ở.

- Có Hợp đồng ký kết giữa người lao động và doanh nghiệp dịch vụ, tổ chức sự nghiệp đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo Hợp đồng.


- Có Quyết định thu hồi đất với thời hạn trong vòng 5 năm kể từ ngày có Quyết định thu hồi đất

**m) Căn cứ pháp lý của thủ tục:**

- Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
- Luật Việc làm số 38/2013/QH13 ngày 16/11/2013 của Quốc hội;
- Nghị định số 78/2002/NĐ-CP ngày 04/10/2002 của Chính phủ về tín dụng đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác;
- Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09/7/2015 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm;
- Quyết định số 63/2015/QĐ-TTg ngày 10/12/2015 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ đào tạo nghề và giải quyết việc làm cho người lao động bị thu hồi đất;
- Thông tư số 45/2015/TT-BLĐTBXH ngày 11/11/2015 của Bộ Lao động-Thương binh và xã hội về hướng dẫn thực hiện một số điều về Quỹ quốc gia về việc làm quy định tại Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09/7/2015 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm;
- *Thông tư số 24/2017/TT-BLĐTBXH ngày 21/8/2017 của Bộ Lao động - Thương binh và xã hội về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2015/TT-BLĐTBXH ngày 11/11/2015 của Bộ Lao động-Thương binh và xã hội về hướng dẫn thực hiện một số điều về Quỹ quốc gia về việc làm quy định tại Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09/7/2015 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm;*
- Văn bản số 2478/NHCS-TDSV ngày 04/9/2009 của Tổng Giám đốc NHCSXH hướng dẫn các biện pháp bảo đảm tiền vay trong hệ thống NHCSXH;
- Văn bản số 4289/NHCS-TDNN ngày 25/12/2015 của Tổng Giám đốc NHCSXH hướng dẫn nghiệp vụ cho vay đối với người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09/7/2015 của Chính phủ về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm;
- Văn bản 313/NHCS-TDNN ngày 01/02/2016 của Tổng Giám đốc NHCSXH hướng dẫn nghiệp vụ cho vay đi làm việc ở nước ngoài đối với người lao động bị thu hồi đất theo Quyết định số 63/2015/QĐ-TTg ngày 10/12/2015 của Thủ tướng Chính phủ;
- Văn bản số 607/NHCS-TDNN ngày 15/3/2016 của Tổng Giám đốc NHCSXH hướng dẫn nghiệp vụ cho vay đi làm việc ở nước ngoài đối với lao động thuộc hộ nghèo, người dân tộc thiểu số;
- Văn bản số 5650/NHCS-TDNN ngày 28/12/2016 của Tổng Giám đốc NHCSXH về việc bổ sung nội dung giao dịch dân sự giữa NHCSXH với hộ gia đình vay vốn kể từ ngày 01/01/2017;



- Văn bản số 4397/NHCS-TDNN ngày 10/10/2017 của Tổng Giám đốc NHCXSH về việc thay đổi mẫu biểu cho vay đi làm việc ở nước ngoài.

(Ghi chú: Phần chữ in **nghiêng**, **đậm** là nội dung sửa đổi, bổ sung) 

**GIẤY ĐỀ NGHỊ VAY VỐN  
HỖ TRỢ TẠO VIỆC LÀM, DUY TRÌ VÀ MỞ RỘNG VIỆC LÀM**  
(Cho vay trực tiếp người lao động)

Kính gửi: Ngân hàng Chính sách xã hội huyện (tỉnh).....

Họ và tên: ..... Ngày, tháng, năm sinh:...../...../.....

Dân tộc: ..... Giới tính: .....

Chứng minh nhân dân/Hộ chiếu/Thẻ căn cước công dân số: .....

Ngày cấp: ..... Nơi cấp: .....

Nơi cư trú: .....

.....

Điện thoại: .....

Thuộc đối tượng ưu tiên (nếu có):

+ Là người khuyết tật

+ Là người dân tộc thiểu số đang sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn

Tôi có nhu cầu vay vốn từ Quỹ quốc gia về việc làm để thực hiện dự án: .....

.....

.....

Nơi thực hiện dự án: .....

.....

Số người lao động được tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm: .....người. Trong đó:

- Lao động nữ (nếu có): ..... người.

- Lao động là người khuyết tật (nếu có): ..... người.

- Lao động là người dân tộc thiểu số (nếu có): ..... người.

Vốn thực hiện dự án: ..... đồng, trong đó:

- Vốn tự có: ..... đồng.

Đề nghị Ngân hàng cho vay số tiền: ..... đồng.

(Bằng chữ: .....)

để dùng vào việc:....., cụ thể như sau:

STT	Mục đích sử dụng vốn vay	Số lượng	Thành tiền (đồng)

Thời hạn vay: ..... tháng      Trả gốc: .....      Trả lãi: .....

Tôi cam kết sử dụng vốn vay đúng mục đích, trả nợ gốc và lãi đúng thời hạn, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

**XÁC NHẬN CỦA UBND XÃ, PHƯỜNG, THỊ**  
**TRẦN .....**

Ông/bà: .....

Hiện đang cư trú hợp pháp tại địa phương.

....., ngày ... tháng ... năm .....

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**

**CHỦ TỊCH**

(Họ và tên, ký, đóng dấu)

....., ngày ... tháng ... năm .....

**Người đề nghị vay vốn**

(Chữ ký, họ và tên)

**GIẤY ĐỀ NGHỊ VAY VỐN  
HỖ TRỢ TẠO VIỆC LÀM, DUY TRÌ VÀ MỞ RỘNG VIỆC LÀM**  
(Cho vay người lao động thông qua hộ gia đình)

Kính gửi: Ngân hàng Chính sách xã hội huyện (tỉnh).....

Họ và tên: .....Ngày, tháng, năm sinh:...../...../.....

Dân tộc: .....Giới tính: .....

Chứng minh nhân dân/Hộ chiếu/Thẻ căn cước công dân số: .....

Ngày cấp: .....Nơi cấp: .....

Điện thoại: .....

Là người được các thành viên hộ gia đình ủy quyền đại diện cho hộ gia đình cư trú tại:

Tôi đề nghị vay vốn từ Quỹ quốc gia về việc làm cho Ông/bà: .....  
là thành viên của hộ gia đình

Ngày, tháng, năm sinh:...../...../.....Dân tộc: .....Giới tính: .....

Chứng minh nhân dân/Hộ chiếu/Thẻ căn cước công dân số:.....

Ngày cấp:.....Nơi cấp:.....

Quan hệ với người đại diện hộ gia đình:.....

Thuộc đối tượng ưu tiên (nếu có):

+ Là người khuyết tật

+ Là người dân tộc thiểu số đang sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn

Để thực hiện dự án: .....

Nơi thực hiện dự án: .....

Số người lao động được tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm: .....người, trong đó:

- Lao động nữ (nếu có): ..... người.

- Lao động là người khuyết tật (nếu có): ..... người.

- Lao động là người dân tộc thiểu số (nếu có): ..... người

Vốn thực hiện dự án: ..... đồng, trong đó:

- Vốn tự có: ..... đồng.

Đề nghị Ngân hàng cho vay số tiền: ..... đồng.

(Bằng chữ: .....)

để dùng vào việc:....., cụ thể như sau:

STT	Mục đích sử dụng vốn vay	Số lượng	Thành tiền (đồng)

Thời hạn vay:      tháng      Trả gốc:                      Trả lãi: .....

Tôi cam kết sử dụng vốn vay đúng mục đích, trả nợ gốc và lãi đúng thời hạn, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

**XÁC NHẬN CỦA UBND XÃ, PHƯỜNG,  
THỊ TRẤN .....**

Các ông/bà: .....

.....

Thuộc hộ gia đình đang cư trú hợp pháp tại địa phương./.

....., ngày ... tháng ... năm .....

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**

**CHỦ TỊCH**

(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

....., ngày ... tháng ... năm .....

**Người đề nghị vay vốn**

(Ký và ghi rõ họ tên)



**DỰ ÁN VAY VỐN**  
**HỖ TRỢ TẠO VIỆC LÀM, DUY TRÌ VÀ MỞ RỘNG VIỆC LÀM**

Kính gửi: Ngân hàng Chính sách xã hội huyện (tỉnh).....

**I. THÔNG TIN VỀ CƠ SỞ SẢN XUẤT, KINH DOANH**

1. Tên Doanh nghiệp/Hợp tác xã/Tổ hợp tác/Hộ kinh doanh: .....
2. Địa chỉ trụ sở chính: .....
3. Điện thoại: ..... ; Fax: .....
4. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/hợp tác xã/hộ kinh doanh số: .....  
Ngày cấp: ..... Cơ quan cấp: .....
- Hoặc hợp đồng hợp tác số: .....
5. Họ và tên người đại diện: ..... Chức vụ: .....
- Chứng minh nhân dân/Hộ chiếu/Thẻ căn cước công dân số: .....  
Ngày cấp: ..... Nơi cấp: .....
- Quyết định bổ nhiệm số: ..... Ngày: ..... Do: ..... quyết định  
Hoặc giấy ủy quyền số: ..... Ngày: ..... Do: ..... ủy quyền
6. Mã số thuế: .....
7. Vốn điều lệ/Vốn góp/Vốn tự có: ..... đồng

**II. KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ TÌNH HÌNH SỬ DỤNG LAO ĐỘNG**

1. Kết quả sản xuất kinh doanh của 02 năm trước thời điểm vay vốn (nếu có)

Năm .....

- Tổng doanh thu: ..... đồng
- Tổng chi phí: ..... đồng
- Thuế: ..... đồng
- Lợi nhuận: ..... đồng

Năm .....

- Tổng doanh thu: ..... đồng
- Tổng chi phí: ..... đồng
- Thuế: ..... đồng
- Lợi nhuận: ..... đồng

2. Tình hình sử dụng lao động

Tổng số lao động hiện có: ..... người, trong đó:

- Lao động nữ (nếu có): ..... người.
- Lao động là người khuyết tật (nếu có): ..... người.



- Lao động là người dân tộc thiểu số (nếu có): .....người.

### III. THÔNG TIN VỀ DỰ ÁN VÀ NHU CẦU VAY VỐN

1. Tên Dự án: .....

Nơi thực hiện dự án: .....

#### 2. Nội dung dự án

##### a) Hiện trạng

- Văn phòng/chi nhánh/cửa hàng kinh doanh (địa chỉ, diện tích): .....

- Nhà xưởng, kho bãi (số lượng, diện tích, tình trạng hoạt động, địa chỉ):.....

- Trang thiết bị, máy móc (số lượng, giá trị, tình trạng hoạt động): .....

##### b) Dự án phát triển sản xuất, kinh doanh

- Mở rộng, cải tạo nhà xưởng, kho bãi:

+ Diện tích mở rộng, cải tạo: .....

+ Chi phí mở rộng, cải tạo: .....

- Đầu tư trang thiết bị:

+ Máy móc, thiết bị (chủng loại, số lượng, giá trị): .....

+ Phương tiện (chủng loại, số lượng, giá trị): .....

- Đầu tư vốn lưu động: Vật tư, nguyên, nhiên liệu, hàng hóa, dịch vụ (chủng loại, số lượng, giá trị): .....

##### c) Phương án sử dụng lao động.

Tổng số lao động:..... người, trong đó:

- Số người lao động được tạo việc làm (nếu có): .....người, trong đó:

+ Lao động nữ (nếu có): .....người.

+ Lao động là người khuyết tật (nếu có): .....người.

+ Lao động là người dân tộc thiểu số (nếu có): .....người.

- Số người lao động được duy trì và mở rộng việc làm: ..... người, trong đó:

+ Lao động nữ (nếu có): .....người.

+ Lao động là người khuyết tật (nếu có): .....người.

+ Lao động là người dân tộc thiểu số (nếu có): .....người.

##### d) Hiệu quả kinh tế của dự án vay vốn

- Tổng doanh thu: ..... đồng

- Tổng chi phí: ..... đồng

- Lợi nhuận: ..... đồng



e) Thời điểm bắt đầu thực hiện dự án: tháng ..... năm .....

3. Tổng nguồn vốn thực hiện dự án: ..... đồng, trong đó:

- Vốn tự có: ..... đồng.

Đề nghị Ngân hàng cho vay số tiền: ..... đồng.

(Bằng chữ: .....)

đề dung vào việc: .....

4. Thời hạn vay: ..... tháng

5. Nguồn tiền trả nợ ngân hàng:

- Khấu hao tài sản từ vốn vay: ..... đồng;

- Khấu hao tài sản từ nguồn vốn tự có: ..... đồng;

- Lợi nhuận từ dự án và các nguồn khác: ..... đồng;

- Dự kiến tổng số tiền trả nợ một năm là: ..... đồng.

6. Trả gốc: .....; Trả lãi theo: .....

7. Tài sản bảo đảm tiền vay (nếu có):

STT	TÊN TÀI SẢN	SỐ LƯỢNG	GIÁ TRỊ ƯỚC TÍNH (đồng)	GIẤY TỜ VỀ TÀI SẢN

Tôi xin cam kết sử dụng vốn vay đúng mục đích, trả nợ gốc và lãi đúng thời hạn, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

**XÁC NHẬN CỦA UBND XÃ, PHƯỜNG,  
THỊ TRẤN** .....

Cơ sở sản xuất, kinh doanh:.....

.....

Có dự án được thực hiện tại địa phương.

....., ngày ... tháng ... năm .....

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**

**CHỦ TỊCH**

(Kký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

....., ngày ... tháng ... năm .....

**Người đại diện**

(Kký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**GIẤY ĐỀ NGHỊ VAY VỐN**  
**ĐI LÀM VIỆC Ở NƯỚC NGOÀI THEO HỢP ĐỒNG**  
*(Áp dụng đối với người vay thông qua hộ gia đình)*

Kính gửi: Ngân hàng Chính sách xã hội .....

Họ và tên<sup>(\*)</sup>: ..... Ngày, tháng, năm sinh:...../...../.....

Dân tộc: ..... Giới tính: .....

Chứng minh nhân dân (Hộ chiếu/Thẻ căn cước công dân) số: .....

Ngày cấp: ...../...../..... Nơi cấp: Công an.....

Điện thoại: .....

Là người được các thành viên hộ gia đình ủy quyền đại diện cho hộ gia đình cư trú tại:

Xã..... Huyện..... Tỉnh.....

Tôi đề nghị vay vốn cho ông/bà:.....là thành viên của hộ gia đình, sinh ngày...../...../..... Dân tộc:..... Giới tính:..... Chứng minh nhân dân /Hộ chiếu/Thẻ căn cước công dân số:.....

Ngày cấp:...../...../..... Nơi cấp: .....

Quan hệ với người đại diện hộ gia đình :.....

Thuộc đối tượng: .....

Đề đi làm việc ở nước ngoài theo Hợp đồng số ..... tại quốc gia/vùng lãnh thổ ..... ký ngày .../...../..... với (doanh nghiệp dịch vụ, tổ chức sự nghiệp đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài), địa chỉ ..... trong thời hạn.....tháng.

Đề nghị Ngân hàng cho vay số tiền: ..... đồng.

*(Bằng chữ: .....) )*

Thời hạn vay: .....tháng Trả gốc: ..... Trả lãi: .....

Tài sản bảo đảm tiền vay (nếu có):

STT	Tên tài sản	Số lượng	Giá trị (ước tính)	Giấy tờ về tài sản

\* Họ và tên người đề nghị vay vốn được viết bằng chữ in hoa



Tôi cam kết sử dụng vốn vay đúng mục đích, trả nợ gốc và lãi đúng thời hạn, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

**XÁC NHẬN CỦA UBND XÃ, PHƯỜNG,  
THỊ TRẤN .....**

....., ngày ... tháng ... năm .....

**Người đề nghị vay vốn**

(Ký, ghi rõ họ và tên)

Các ông/bà: .....

hiện đang cư trú hợp pháp tại địa phương.

Thuộc đối tượng .....

....., ngày ... tháng ... năm .....

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**

**CHỦ TỊCH**

(Ký tên, đóng dấu)

## PHẦN THẨM ĐỊNH VÀ PHÊ DUYỆT CỦA NGÂN HÀNG

Căn cứ Giấy đề nghị vay vốn đi làm việc ở nước ngoài và kết quả thẩm định hồ sơ đề nghị vay vốn của ông/bà.....  
Ngân hàng Chính sách xã hội phê duyệt cho vay với nội dung cụ thể như sau:

1. Số tiền cho vay: .....đồng, (Bằng chữ:.....  
.....), bằng nguồn vốn: .....
2. Lãi suất: .....%/tháng. Lãi suất nợ quá hạn: .....% lãi suất khi cho vay.
3. Thời hạn cho vay: ..... tháng.
4. Định kỳ hạn trả nợ gốc:.....tháng/lần, số tiền.....triệu đồng/lần.
5. Hạn trả nợ cuối cùng: Ngày...../...../.....
6. Lãi tiền vay được trả định kỳ ....., vào ngày .....
7. Hình thức bảo đảm tiền vay: (nếu có)

Cầm cố tài sản theo Hợp đồng: Số.....ngày...../...../.....

Thế chấp tài sản theo Hợp đồng: Số.....ngày...../...../.....

Bảo đảm bằng tài sản bảo lãnh theo Hợp đồng: Số.....ngày...../...../.....

Ngày.....tháng.....năm.....

**Cán bộ tín dụng**

(Ký, ghi rõ họ tên)

**Trưởng phòng**

**(Tổ trưởng) TD**

(Ký, ghi rõ họ tên)

.....

**Giám đốc**

(Ký tên, đóng dấu)

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**GIẤY ỦY QUYỀN**

Căn cứ Bộ Luật dân sự số 91/2015/QH13 và các văn bản pháp lý có liên quan,

I. Ngày.....tháng.....năm....., hộ gia đình chúng tôi gồm..... người<sup>(1)</sup>, trong đó các thành viên từ đủ 18 tuổi trở lên, có năng lực hành vi dân sự đầy đủ theo quy định của Pháp luật gồm:

STT	Họ tên	Năm sinh	Số CMND/Thẻ căn cước	Nơi cư trú
1				
2				
3				
4				
5				
...				

II. Các thành viên trong hộ gia đình có tên tại mục I của Giấy Ủy quyền này (gọi là Bên ủy quyền) thỏa thuận cử ông (bà):.....

STT<sup>(2)</sup>....., năm sinh:....., số CMND/Thẻ căn cước:....., ngày cấp:...../...../....., nơi cấp: .....(gọi là Bên được ủy quyền) đại diện theo ủy quyền cho chúng tôi thực hiện đứng tên người vay và thực hiện các giao dịch với Ngân hàng Chính sách xã hội theo quy định trước sự chứng kiến của Trưởng thôn.

**III. Cam kết**

1. Các thành viên trong hộ gia đình có tên tại mục I cam kết chịu trách nhiệm đối với toàn bộ các khoản vay tại Ngân hàng Chính sách xã hội.

2. Giấy ủy quyền này có hiệu lực kể từ ngày ký và hết hiệu lực khi quyền và nghĩa vụ giữa chúng tôi với Ngân hàng Chính sách xã hội kết thúc theo quy định.

3. Khi thay đổi người đại diện theo ủy quyền thì phải làm Giấy sửa đổi ủy quyền và được sự chấp thuận của Ngân hàng Chính sách xã hội nơi cho vay.

4. Chúng tôi công nhận đã hiểu rõ mọi quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp của mình; hậu quả pháp lý của việc ủy quyền. Chúng tôi chịu trách nhiệm trước pháp luật về mọi cam kết do bên được ủy quyền nhân danh chúng tôi thực hiện trong phạm vi ủy quyền nêu trên.



**IV. Giấy ủy quyền này được lập 02 bản có giá trị pháp lý như nhau: 01 bản gửi NHCSXH nơi cho vay, 01 bản lưu hộ gia đình./.**

<b>STT</b>	<b>BÊN ỦY QUYỀN<sup>(3)</sup></b>		<b>BÊN ĐƯỢC ỦY QUYỀN<sup>(4)</sup></b>
	<b>Họ và tên</b>	<b>Ký tên</b>	<b>(Ký, ghi rõ họ tên)</b>
1	.....	.....	
2	.....	.....	
3	.....	.....	
4	.....	.....	
5	.....	.....	
...	.....	.....	

**CHỨNG KIẾN CỦA  
TRƯỞNG THÔN**  
*(Ký, ghi rõ họ tên)*

**XÁC NHẬN CỦA UBND CẤP XÃ**  
*(Ký tên, đóng dấu)*

- 
- (1) Điền tổng số thành viên trong Hộ gia đình, gồm cả người chưa thành niên và thành niên.  
(2) Số thứ tự của người được ủy quyền đã được ghi tại mục I của Giấy ủy quyền.  
(3) Là các thành viên ghi tại mục I trừ thành viên được cử làm đại diện theo ủy quyền ghi tại mục II của Giấy ủy quyền.  
(4) Là thành viên được cử làm đại diện theo ủy quyền ghi tại mục II của Giấy ủy quyền.

